

Số: 255/GCN-UBCK

Hà Nội, ngày 02 tháng 11 năm 2020

GIẤY CHỨNG NHẬN
Đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng

CHỦ TỊCH ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 29 tháng 06 năm 2006;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 07 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26 tháng 06 năm 2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 07 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Quyết định số 48/2015/QĐ-TTg ngày 08 tháng 10 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trực thuộc Bộ Tài chính;

Căn cứ Thông tư số 162/2015/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc chào bán chứng khoán ra công chúng, chào bán cổ phiếu để hoán đổi, phát hành thêm cổ phiếu, mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ và chào mua công khai cổ phiếu;

Xét Hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng của Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Quản lý Chào bán Chứng khoán,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng cho:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC

– Tên giao dịch bằng tiếng Anh: ACC BINH DUONG INVESTMENT AND CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY;

– Tên viết tắt: BÌNH DƯƠNG ACC;

– Địa chỉ trụ sở chính: Lô D_3_CN, đường N7, KCN Mỹ Phước, Phường Mỹ



Phước, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam;

– Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3700926112 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp đăng ký lần đầu ngày 03 tháng 06 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 10 tháng 05 năm 2019;

– Vốn điều lệ: 100.000.000.000 đồng (Một trăm tỷ đồng).

Điều 2. Cổ phiếu Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC được chào bán ra công chúng theo các nội dung sau:

1. Loại chứng khoán: cổ phiếu phổ thông;
2. Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng (Mười nghìn đồng);
3. Tổng số lượng cổ phiếu chào bán: 20.000.000 cổ phiếu (Hai mươi triệu cổ phiếu);
4. Tổng giá trị chào bán tính theo mệnh giá: 200.000.000.000 đồng (Hai trăm tỷ đồng);
5. Thời gian phân phối: Trong vòng 90 ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán có hiệu lực;
6. Phương thức phân phối: Theo phương án nêu trong Bản cáo bạch;
7. Tổ chức tư vấn phát hành: Công ty cổ phần Chứng khoán Rồng Việt – Chi nhánh Hà Nội.

Điều 3. Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC phải tuân thủ pháp luật Việt Nam, các quy định về chứng khoán và thị trường chứng khoán và nội dung trong Giấy chứng nhận này.

Điều 4. Giấy chứng nhận này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 5. Giấy chứng nhận này được lập thành bốn (04) bản chính: Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC giữ 01 bản, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước giữ 01 bản, 01 bản gửi cho Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh và 01 bản gửi cho Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam. /h

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Phạm Hồng Sơn

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CỔ PHIẾU. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC

(Giấy chứng nhận ĐKDN số 3700926112 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 03/06/2008, thay đổi lần thứ 6 ngày 10/05/2019)

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số ~~25~~/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày ~~02~~ tháng ~~11~~ năm 2020)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC

Địa chỉ: Lô D_3_CN, đường N7, KCN Mỹ Phước, P.Mỹ Phước, TX. Bến Cát, T.Bình Dương

Điện thoại: 0274.3567.200. Fax: 0274.3567.201

Website: www.becamexacc.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN RỒNG VIỆT - CHI NHÁNH HÀ NỘI

Địa chỉ: Tầng 10, Tòa nhà Eurowindow, số 2 Tôn Thất Tùng, P. Trung Tự, Q. Đống Đa Tp. Hà Nội

Điện thoại: (024) 6288 2006 Fax: (024) 6288 2008

Website: <http://www.vdsc.com.vn>

Phụ trách công bố thông tin:

Bà: Nguyễn Thị Thúy Vân

Chức vụ: Kế toán trưởng - Người được ủy quyền công bố thông tin

STT	TÀI LIỆU
1	Bản cáo bạch chào bán cổ phiếu ra công chúng
2	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
3	Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ NGÀY 28/06/2020
4	Nghị quyết HĐQT số 17/2020/NQ-HĐQT NGÀY 27/08/2020
5	Nghị quyết HĐQT số 19/2020/NQ-HĐQT NGÀY 25/09/2020
6	Điều lệ Công ty
7	Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2018 (riêng và hợp nhất)
8	Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019 (riêng và hợp nhất)
9	Báo cáo tài chính quý III/2020 (riêng và hợp nhất)
10	Công văn giải trình về báo cáo sử dụng vốn số 02/2020/CV-PHCP ngày 31/08/2020
	Nghị quyết ĐHĐCĐ số 02/2010/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/04/2010
	Nghị quyết HĐQT số 05/2010/NQ – HĐQT ngày 30/06/2010
	Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu số 621/UBCK-GCN do Chủ tịch UBCK NN cấp ngày 28/07/2010
	Báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng ngày 20/10/2010
	Quyết định số 942/QĐ-SGDHN ngày 08/12/2010 về việc chấp thuận đăng ký giao dịch bổ sung cổ phiếu
	Báo cáo sử dụng vốn số 10-2011/TB-HĐQT ngày 14/04/2011
Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 94/2009/GCNCP-VSD-1 đăng ký thay đổi lần 1 ngày 26/11/201 do VSD cấp	
11	Giấy xác nhận tài khoản phong tỏa

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CỔ PHIẾU. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.



BẢN CÁO BẠCH

BÌNH DƯƠNG ACC
ISO 9001:2015

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC

(Giấy chứng nhận ĐKDN số 3700926112 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 03/06/2008, thay đổi lần thứ 6 ngày 10/05/2019)

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 255/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 02 tháng 11 năm 2010.)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC

Địa chỉ: Lô D_3_CN, đường N7, KCN Mỹ Phước, P. Mỹ Phước, TX. Bến Cát, T. Bình Dương

Điện thoại: 0274.3567.200. Fax: 0274.3567.201

Website: www.becamexacc.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN RỒNG VIỆT - CHI NHÁNH HÀ NỘI

Địa chỉ: Tầng 10, Tòa nhà Eurowindow, số 2 Tôn Thất Tùng, P. Trung Tự, Q. Đống Đa Tp. Hà Nội

Điện thoại: (024) 6288 2006 Fax: (024) 6288 2008

Website: <http://www.vdsc.com.vn>

Phụ trách công bố thông tin:

Bà: Nguyễn Thị Thúy Vân

Chức vụ: Kế toán trưởng - Người được ủy quyền công bố thông tin



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC

(Giấy chứng nhận ĐKDN số 3700926112 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp lần đầu
 ngày 03/06/2008, thay đổi lần thứ 6 ngày 10/05/2019)

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC

Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu

Tổng số lượng phát hành: 20.000.000 cổ phiếu, trong đó:

+ Chào bán cho cổ đông hiện hữu: 20.000.000 cổ phiếu

Giá chào bán: 10.000 đồng/cổ phiếu

Tổng giá trị cổ phiếu phát hành: 200.000.000.000 đồng (Hai trăm tỷ đồng)

1. TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh phía Bắc

Địa chỉ: Phòng 709, Sunrise Building, số 90 Trần Thái Tông, phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: (024) 320 02016 Fax: (024) 320 02016

2. TỔ CHỨC TƯ VẤN

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt – Chi nhánh Hà Nội

Địa chỉ: Tầng 10 Tòa nhà Eurowindow, số 2 Tôn Thất Tùng, P. Trung Tự, Q. Đống Đa Tp. Hà Nội

Điện thoại: (024) 6288 2006 Fax: (024) 6288 2008

Website: <http://www.vdsc.com.vn>

MỤC LỤC

I	CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	6
1.	<i>Rủi ro về kinh tế.....</i>	6
2.	<i>Rủi ro về luật pháp.....</i>	7
3.	<i>Rủi ro đặc thù ngành</i>	7
4.	<i>Rủi ro của đợt chào bán, của dự án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán.....</i>	8
5.	<i>Rủi ro pha loãng</i>	8
6.	<i>Rủi ro quản trị công ty.....</i>	11
7.	<i>Rủi ro khác.....</i>	11
II	NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.....	13
1.	<i>Tổ chức phát hành.....</i>	13
2.	<i>Tổ chức tư vấn.....</i>	13
III	CÁC TỪ VIẾT TẮT	14
IV	TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH	15
1.	<i>Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....</i>	15
2.	<i>Cơ cấu tổ chức Công ty.....</i>	18
3.	<i>Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty.....</i>	18
4.	<i>Danh sách cổ đông.....</i>	20
5.	<i>Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành.....</i>	25
6.	<i>Danh sách công ty nhận đầu tư, góp vốn từ tổ chức phát hành</i>	26
7.	<i>Quá trình tăng vốn của Công ty.....</i>	26
8.	<i>Hoạt động kinh doanh</i>	27
9.	<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh qua các năm.....</i>	39
10.	<i>Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành</i>	40
11.	<i>Chính sách đối với người lao động</i>	41
12.	<i>Chính sách cổ tức.....</i>	43
13.	<i>Tình hình tài chính</i>	43
14.	<i>Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Ban Kiểm soát</i>	49
15.	<i>Tài sản</i>	64
16.	<i>Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức cho năm 2020.....</i>	67
17.	<i>Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức.....</i>	68
18.	<i>Thời gian dự kiến đưa cổ phiếu vào giao dịch trên thị trường có tổ chức.....</i>	68
19.	<i>Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty.....</i>	68
20.	<i>Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu chào bán.....</i>	69
V	CỔ PHIẾU CHÀO BÁN RA CÔNG CHÚNG.....	69

1.	<i>Loại cổ phiếu</i>	69
2.	<i>Mệnh giá</i>	69
3.	<i>Tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán</i>	69
4.	<i>Đối tượng chào bán</i>	69
5.	<i>Giá chào bán</i>	69
6.	<i>Phương pháp tính giá</i>	69
7.	<i>Phương thức phân phối cổ phiếu</i>	70
8.	<i>Thời gian phân phối cổ phiếu</i>	70
9.	<i>Đăng ký mua cổ phiếu</i>	70
10.	<i>Phương thức thực hiện quyền</i>	71
11.	<i>Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng</i>	72
12.	<i>Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài</i>	72
13.	<i>Các loại thuế có liên quan</i>	81
14.	<i>Ngân hàng mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu</i>	81
VI	MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN	81
VII	KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN	81
VIII	CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC CHÀO BÁN	83
1.	<i>Tổ chức tư vấn</i>	83
2.	<i>Tổ chức kiểm toán</i>	83
3.	<i>Ý kiến của tổ chức tư vấn về đợt phát hành</i>	84
4.	<i>Đại lý phát hành cho cổ đông hiện hữu</i>	84
IX	PHỤ LỤC	84

DANH MỤC HÌNH VẼ

Hình 1. Tỷ lệ tăng trưởng GDP Việt Nam trong giai đoạn 2010 – 2019 và dự báo năm 2020...	6
Hình 2. Tỷ lệ lạm phát của Việt Nam trong giai đoạn 2010 – 2019 và dự báo năm 2020.....	7
Hình 3. Cơ cấu tổ chức của Công ty.....	18
Hình 4. Biểu tượng logo của Công ty	35

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1. So sánh EPS năm 2020 trong trường hợp pha loãng thu nhập trên cổ phần	9
Bảng 2. Danh sách cổ đông sáng lập tại thời điểm 03/06/2008.....	20
Bảng 3. Danh sách cổ đông lớn của Công ty	22
Bảng 4. Danh sách người liên quan của cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn điều lệ của Công ty.....	22
Bảng 5. Cơ cấu cổ đông của Công ty	25
Bảng 6. Danh sách công ty con của Công ty.....	25
Bảng 7. Danh sách công ty nhận đầu tư, góp vốn từ ACC.....	26
Bảng 8. Quá trình tăng vốn của Công ty.....	27
Bảng 9. Cơ cấu doanh thu của Công ty theo báo cáo tài chính công ty mẹ	31
Bảng 10: Cơ cấu doanh thu của Công ty theo báo cáo tài chính hợp nhất.....	31
Bảng 11. Cơ cấu chi phí của Công ty theo báo cáo tài chính công ty mẹ	31
Bảng 12. Cơ cấu chi phí của Công ty theo báo cáo tài chính hợp nhất	32
Bảng 13. Các khoản mục tài sản của Công ty các năm gần đây.....	32
Bảng 14. Cơ cấu doanh thu qua các năm.....	33
Bảng 15. Cơ cấu lợi nhuận gộp theo sản phẩm/dịch vụ qua các năm.....	34
Bảng 16. Một số hợp đồng đầu ra của ACC.....	35
Bảng 17. Một số nhà cung cấp nguyên vật liệu cho ACC.....	38
Bảng 18. Chỉ tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh theo báo cáo tài chính công ty mẹ ACC	39
Bảng 19. Chỉ tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh theo báo cáo tài chính hợp nhất ACC	39
Bảng 20. Cơ cấu lao động theo chỉ tiêu	41
Bảng 21. Tình hình chi trả cổ tức các năm gần đây của Công ty	43
Bảng 22. Vốn kinh doanh của Công ty theo báo cáo tài chính công ty mẹ	43
Bảng 23. Thời gian trích khấu hao các nhóm tài sản của Công ty	44
Bảng 24. Mức lương bình quân của CBCNV trong Công ty	45
Bảng 25. Số dư các khoản thuế và phải nộp nhà nước theo báo cáo tài chính công ty mẹ.....	45
Bảng 26. Số dư các khoản thuế và phải nộp nhà nước theo báo cáo tài chính hợp nhất.....	45
Bảng 27. Các khoản vay nợ ngắn hạn và dài hạn của Công ty theo báo cáo tài chính công ty mẹ.....	46

Bảng 28. Các khoản vay nợ ngắn hạn và dài hạn của Công ty theo báo cáo tài chính hợp nhất	46
Bảng 29. Các khoản phải thu của ACC theo báo cáo tài chính Công ty mẹ.....	47
Bảng 30. Các khoản phải thu của ACC theo báo cáo tài chính hợp nhất.....	47
Bảng 31. Số dư các khoản phải trả của Công ty các năm gần đây theo báo cáo tài chính công ty mẹ.....	47
Bảng 32. Số dư các khoản phải trả của Công ty các năm gần đây theo báo cáo tài chính hợp nhất.....	48
Bảng 33. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty các năm gần đây theo báo cáo tài chính Công ty mẹ.....	48
Bảng 34. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty các năm gần đây theo báo cáo tài chính hợp nhất.....	49
Bảng 35. Kế hoạch kinh doanh công ty mẹ năm 2020	67
Bảng 36. Kế hoạch kinh doanh hợp nhất năm 2020.....	67
Bảng 37. Lịch trình phân phối cổ phiếu.....	70

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Những biến động của các biến số kinh tế vĩ mô như tốc độ tăng trưởng, lạm phát, lãi suất, tỷ giá, chính sách của Chính phủ thực hiện điều chỉnh các biến số kinh tế vĩ mô cũng như chính sách phát triển ngành sẽ có tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động và kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp. Do đó, kết quả kinh doanh và triển vọng phát triển của Công ty có thể bị ảnh hưởng bởi các yếu tố rủi ro được đề cập dưới đây:

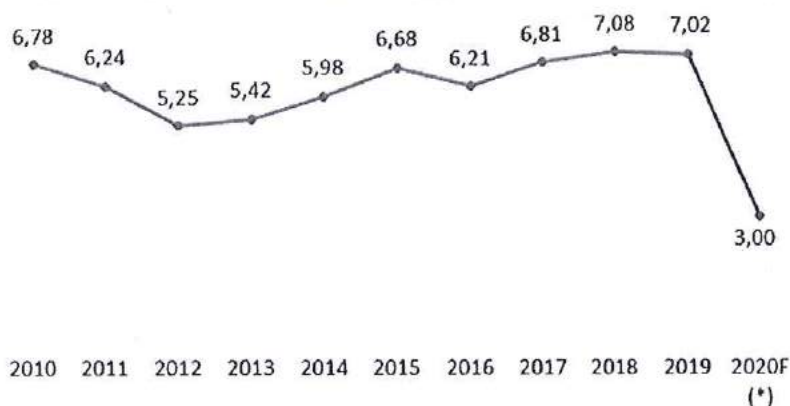
1. Rủi ro về kinh tế

Địa bàn hoạt động kinh doanh của Công ty nằm trong lãnh thổ Việt Nam, vì vậy, hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ phụ thuộc vào các điều kiện kinh tế trong nước. Trong những năm qua, Chính phủ Việt Nam đã và đang thực hiện nhiều biện pháp để khuyến khích tăng trưởng kinh tế và phân bổ hợp lý các nguồn lực, hỗ trợ nền kinh tế có những bước tăng trưởng đáng kể so với những năm trước đây cũng như so với các quốc gia khác trong khu vực.

1.1. Tốc độ tăng trưởng kinh tế (tăng trưởng GDP)

Tăng trưởng sản phẩm quốc nội (GDP) là một trong những tiêu chí quan trọng nhất phản ánh sự tăng trưởng của nền kinh tế. Nói chung khi tốc độ tăng trưởng GDP cao, sức cầu của nền kinh tế tăng lên và ngược lại khi tốc độ tăng trưởng thấp thì sức cầu của nền kinh tế có chiều hướng giảm. Trong giai đoạn từ 2010 đến 2019, kinh tế Việt Nam đã tăng trưởng liên tục và đạt được tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm khá cao, khoảng 6,29%/năm. Tỷ lệ tăng trưởng GDP trong giai đoạn 2011 – 2013 có xu hướng giảm xuống, còn bình quân khoảng 5,4%/năm do những bất ổn kinh tế vĩ mô và ảnh hưởng của nền kinh tế toàn cầu. Trong giai đoạn 2014 – 2018 tỷ lệ tăng trưởng GDP đã phục hồi với mức tăng trưởng GDP bình quân 6,63%/năm. Trong năm 2020, dịch Covid – 19 xảy ra gây ra những ảnh hưởng nặng nề nên nền kinh tế thế giới nói chung và nền kinh tế Việt Nam nói riêng, Ngân hàng Thế giới (WB) dự báo tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam năm 2020 chỉ đạt 3% và là quốc gia duy nhất trong khu vực Đông Nam Á (ASEAN) có tốc độ tăng trưởng dương trong năm nay.

Hình 1. Tỷ lệ tăng trưởng GDP Việt Nam trong giai đoạn 2010 – 2019 và dự báo năm 2020



Nguồn: Tổng cục Thống kê và theo World Bank

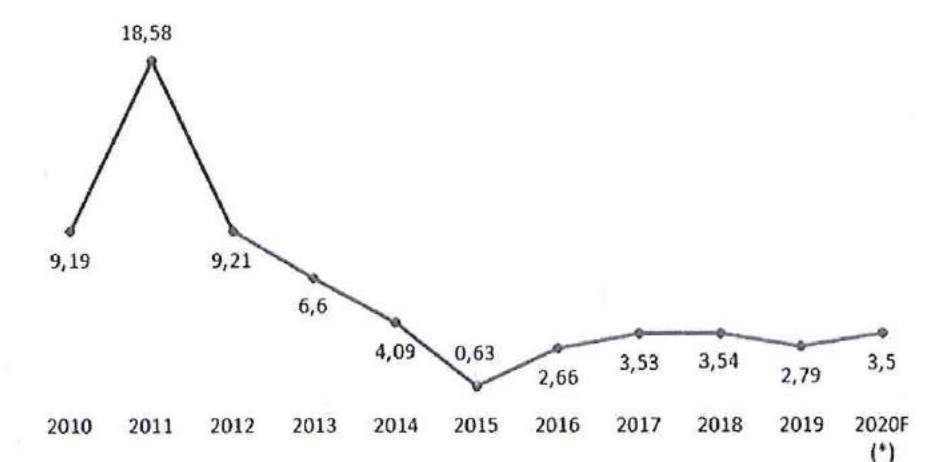
Với lĩnh vực kinh doanh chính là sản xuất bê tông thương phẩm và xây dựng hạ tầng kỹ thuật thì hoạt động kinh doanh của công ty trong năm 2020 ít nhiều bị ảnh hưởng bởi sự giảm sút trong tăng trưởng GDP. Nhưng để giữ được tốc độ tăng trưởng 3% như dự báo của World Bank thì Chính phủ

Việt Nam phải đẩy mạnh đầu tư công bằng các dự án hạ tầng lớn thì ACC là một doanh nghiệp được hưởng lợi từ các dự án này nên rủi ro về tăng trưởng kinh tế trong năm 2020 không phải một rủi ro lớn.

1.2. Rủi ro lạm phát

Bên cạnh GDP, chỉ số lạm phát cũng là một yếu tố vĩ mô phản ánh thực trạng nền kinh tế. Lạm phát ảnh hưởng đến nền kinh tế và hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Lạm phát cao có xu hướng tác động tiêu cực đến nền kinh tế. Tỷ lệ lạm phát cao trong giai đoạn 2010 – 2011 đã tác động tiêu cực đến nền kinh tế Việt Nam và buộc Chính phủ Việt Nam phải dành sự quan tâm hàng đầu. Đến năm 2014, chỉ số lạm phát đã giảm xuống mức 4,09% và 2015 chỉ còn 0,63%. Đây là mức lạm phát thấp nhất trong vòng 10 năm gần đây. Trong vài năm trở lại đây, Chính phủ luôn đề ra mục tiêu là tăng trưởng kinh tế cao đi kèm với kiểm soát lạm phát ở mức dưới 4% bằng việc thực hiện các chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ linh hoạt. Trong năm 2020, mặc dù giá thực phẩm tăng mạnh (đặc biệt là thịt lợn) nhưng do tác động của dịch covid – 19 khiến cho nhu cầu về xăng dầu giảm mạnh dẫn tới giá dầu thấp và chưa thể hồi phục nhanh chóng nên theo dự báo của Viện Kinh tế - Tài chính thì lạm phát năm nay xoay quanh mức 3,5%.

Hình 2. Tỷ lệ lạm phát của Việt Nam trong giai đoạn 2010 – 2019 và dự báo năm 2020



Nguồn: Tổng cục Thống kê và theo Viện Kinh tế - Tài chính

2. Rủi ro về luật pháp

Là một Công ty niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán, ngoài chịu điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp, hoạt động của Công ty còn chịu điều chỉnh của Luật Chứng khoán, các văn bản dưới luật có liên quan, các quy định của ngành, các văn bản về thuế thường xuyên thay đổi. Sự thay đổi về chính sách luôn có thể xảy ra, và khi xảy ra thì sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Việc này gây khó khăn cho hoạt động thực thi, áp dụng giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty. Nhằm hạn chế những rủi ro này, Công ty phải thường xuyên phổ cập kiến thức về pháp luật để toàn thể nhân viên có thể nắm bắt được và tự chủ hành vi của mình theo đúng quy định pháp luật. Thường xuyên rà soát các quy chế nội bộ của Công ty để có những sửa đổi, bổ sung phù hợp với sự thay đổi của pháp luật.

3. Rủi ro đặc thù ngành

Trong hoạt động xây dựng, việc thu hồi nợ, quá trình giải ngân của các công trình thi công xong khá chậm do thời gian thi công kéo dài, việc nghiệm thu công trình hay bàn giao thường được thực hiện trễ hơn dự kiến, quá trình hoàn tất hồ sơ thi công cũng như việc quyết toán giữa chủ đầu tư và nhà thầu thường mất rất nhiều thời gian. Vì vậy, sẽ ảnh hưởng một phần tới hoạt động quay vòng nguồn vốn phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty.

4. Rủi ro của đợt chào bán, của dự án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán

4.1. Rủi ro của đợt chào bán

Nền kinh tế nói chung và thị trường chứng khoán nói riêng năm 2019 có sự tăng trưởng tốt. Tuy nhiên, diễn biến thị trường chứng khoán trong giai đoạn nửa đầu năm 2020 đang diễn ra rất tồi tệ do tình hình kinh tế có dấu hiệu giảm tốc.

Hiện nay, cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) nên giá cổ phiếu của Công ty sẽ chịu tác động cung cầu của thị trường. Mối quan hệ cung cầu này lại chịu ảnh hưởng từ những yếu tố kinh tế vĩ mô, vĩ mô và tâm lý chung của nhà đầu tư. Tuy nhiên, với triển vọng tăng trưởng tốt của Công ty thì khả năng thu hút sự quan tâm của các nhà đầu tư đối với cổ phiếu của Công ty là lớn, và đảm bảo sự thành công của đợt chào bán. Bên cạnh đó, trong trường hợp không phân phối hết số lượng cổ phiếu đăng ký chào bán, ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT phân phối cho các nhà đầu tư khác và/hoặc cổ đông với điều kiện chào bán không ưu đãi hơn so với các cổ đông hiện hữu, tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật và đảm bảo quyền lợi cho các cổ đông hiện hữu của Công ty.

4.2. Rủi ro đối với mục đích sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán

Theo như Nghị quyết số 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ thì mục đích của việc chào bán là bổ sung vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh, nâng cao năng lực tài chính, đảm bảo sẵn sàng nguồn vốn cho nhu cầu thực hiện đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh và tăng sức cạnh tranh của Công ty.

Với kết quả kinh doanh đã đạt được trong những năm qua cùng với tiềm năng, triển vọng phát triển của Công ty trong thời gian tới, cổ phiếu ACC sẽ thu hút sự quan tâm của các nhà đầu tư. Hơn nữa, trong đợt chào bán này, cổ phiếu phát hành thêm của Công ty được chào bán ở mức giá 10.000 đồng/cổ phiếu, thấp hơn so với giá thị trường của cổ phiếu ACC. Do đó, đợt chào bán có khả năng thành công. Trong trường hợp cổ phiếu không được mua hết, số tiền thu về không đáp ứng được mục đích bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh của ACC, Công ty sẽ tìm các nguồn vốn khác để thay thế, bổ sung.

5. Rủi ro pha loãng

Công ty hiện đã có cổ phiếu đang lưu hành trên thị trường, do đó việc chào bán cổ phiếu công chúng sẽ dẫn đến hiện tượng cổ phiếu bị pha loãng, bao gồm: (i) pha loãng thu nhập ròng trên mỗi cổ phần (EPS); (ii) pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần; (iii) pha loãng tỷ lệ nắm giữ và biểu quyết; (iv) pha loãng giá tham chiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền mua cổ phiếu phát hành thêm.

5.1. Rủi ro pha loãng thu nhập trên mỗi cổ phần

Trong điều kiện doanh thu và lợi nhuận chưa tăng kịp so với tốc độ tăng trưởng của vốn điều lệ, thu nhập trên cổ phiếu sẽ bị giảm do lợi nhuận sau thuế của Công ty được chia cho số lượng cổ phiếu

nhiều hơn.

Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 – Lãi cơ bản trên một cổ phiếu:

EPS = Lợi nhuận sau thuế/Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân

$$\text{SL cổ phiếu lưu hành bình quân} = \frac{X \cdot 12 + Y \cdot t}{12}$$

Trong đó: X: Số lượng cổ phiếu lưu hành trước khi phát hành

Y: Số lượng cổ phiếu phát hành thêm

t: Thời gian lưu hành thực tế trong năm của cổ phiếu phát hành thêm

Giá định thời gian lưu hành thực tế trong năm của cổ phiếu phát hành thêm là: 3 tháng

Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân trong kỳ là:

$$\text{SL cổ phiếu lưu hành bình quân trong kỳ} = \frac{10.000.000 \cdot 12 + 20.000.000 \cdot 3}{12} = 15.000.000 \text{ cổ phiếu}$$

Bảng 1. So sánh EPS năm 2020 trong trường hợp pha loãng thu nhập trên cổ phần

TT	Nội dung	Đơn vị	Không phát hành	Phát hành
Theo kế hoạch sản xuất kinh doanh riêng của ACC				
1	Lợi nhuận sau thuế*	Đồng	48.048.539.578	48.048.539.578
2	Số CP lưu hành bình quân	Cổ phiếu	10.000.000	15.000.000
3	EPS	Đồng/cổ phiếu	4.805	3.203
Theo kế hoạch sản xuất kinh doanh hợp nhất của ACC				
1	Lợi nhuận sau thuế*	Đồng	65.877.536.553	65.877.536.553
2	Số CP lưu hành bình quân	Cổ phiếu	10.000.000	15.000.000
3	EPS	Đồng/cổ phiếu	6.588	4.392

*Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/06/2020 của ACC

Chỉ số thu nhập trên mỗi cổ phần (EPS) có thể giảm (bị pha loãng) do tổng số lượng cổ phần lưu hành tăng lên so với hiện tại và việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cho mục đích đầu tư chưa tạo ra ngay doanh thu, lợi nhuận ngay trong năm 2020. Vì vậy, do ảnh hưởng của việc phát hành thêm 20.000.000 cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu, EPS có thể bị pha loãng theo dự kiến như bảng tính trên.

Tuy nhiên việc EPS dự kiến năm 2020 điều chỉnh giảm chỉ là nhất thời, với nguồn vốn thu được từ đợt chào bán thì hoạt động kinh doanh của Công ty trong thời gian tới sẽ đạt được những hiệu quả

nhất định và sẽ có thể tạo được sự tăng trưởng EPS trong những năm tiếp theo.

5.2. Rủi ro pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần

Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần được tính theo công thức sau:

$$GTSS = \frac{\text{Tổng giá trị vốn chủ sở hữu (đồng)}}{\text{Tổng số cổ phần đang lưu hành (cổ phần)}}$$

Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2019 của Công ty

Chỉ tiêu	31/12/2019
Theo báo cáo tài chính công ty mẹ	
Tổng giá trị vốn chủ sở hữu (đồng)	208.346.158.457
Tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành (đồng)	10.000.000
Giá trị sổ sách (đồng/CP)	20,835
Theo báo cáo tài chính hợp nhất	
Tổng giá trị vốn chủ sở hữu (đồng)	248.582.839.502
Tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành (cổ phiếu)	10.000.000
Giá trị sổ sách (đồng/CP)	24,858

(Nguồn: Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất được kiểm toán năm 2019 của ACC)

Sau khi hoàn thành đợt phát hành, giá trị sổ sách của mỗi cổ phần sẽ bị thay đổi do có sự thay đổi về số lượng cổ phiếu lưu hành và tốc độ tăng trưởng vốn chủ sở hữu. Nếu tốc độ tăng vốn chủ sở hữu thấp hơn tốc độ tăng số lượng cổ phần sau đợt chào bán thì giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần sẽ giảm và ngược lại.

5.3. Rủi ro pha loãng tỷ lệ nắm giữ và biểu quyết

Do đợt chào bán được thực hiện theo phương thức thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu nên sẽ không làm giảm tỷ lệ nắm giữ, quyền biểu quyết của các cổ đông nếu các cổ đông thực hiện quyền đầy đủ. Tỷ lệ quyền biểu quyết của cổ đông sẽ giảm trong trường hợp cổ đông từ chối hoặc chuyển nhượng quyền mua cổ phần (so với thời điểm trước ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền mua cổ phiếu).

Với phương án phát hành cổ phiếu đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt với tỷ lệ biểu quyết thông qua, cổ đông đã được chuẩn bị về đợt chào bán này, do đó, khả năng pha loãng tỷ lệ sở hữu của các cổ đông hiện hữu được đánh giá ở mức thấp.

5.4. Rủi ro pha loãng giá cổ phiếu

Sau khi phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ, số lượng cổ phiếu lưu hành trên thị trường của Công ty cũng tăng lên tương ứng.

Việc phát hành thêm cổ phần sẽ làm pha loãng giá cổ phiếu. Cụ thể, tại thời điểm phát hành cổ phiếu, giá của cổ phiếu Công ty sẽ bị pha loãng theo công thức sau:

$$P_{tc} = \frac{PR_{t-1} + (I_1 \times P_{r1})}{1 + I_1}$$

Trong đó:

- P_{tc} : Giá tham chiếu tại Ngày giao dịch không hưởng quyền
- PR_{t-1} : Giá đóng cửa của cổ phiếu tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày giao dịch không hưởng quyền
- P_{r1} : Giá chào bán cho cổ đông hiện hữu
- I_1 : Tỷ lệ vốn tăng thêm do phát hành quyền mua cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu

Ví dụ:

Giá sử Giá đóng cửa của cổ phiếu ACC tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày giao dịch không hưởng quyền là 15.000 đồng/cổ phiếu (cao hơn giá phát hành), theo phương án phát hành dự kiến, giá cổ phiếu phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu là 10.000 đồng/cổ phiếu. Trong đó, tỷ lệ phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu là 1:2, giá cổ phiếu sẽ bị pha loãng như sau:

Giá tham chiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền = $(15.000 + 2 \times 10.000)/(1 + 2) = 11.666$ đồng/cổ phiếu.

6. Rủi ro quản trị công ty

Rủi ro quản trị Công ty xuất phát từ việc quản trị Công ty không tốt, thiếu nhất quán, ảnh hưởng đến sự phát triển ổn định và lâu dài, gây thiệt hại cho Công ty, người lao động và cổ đông của Công ty. Trong trường hợp Hội đồng quản trị quản lý không hiệu quả, thiếu minh bạch, không kịp thời phát hiện những rủi ro do hành vi sai phạm của Ban điều hành sẽ gây rủi ro và ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty.

Những thông tin liên quan đến quản trị Công ty như cơ cấu cổ đông, mối quan hệ sở hữu giữa các cổ đông, giữa các thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành và các bên liên quan, giữa cổ đông với Công ty, ... cũng là yếu tố gây ra rủi ro ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty, quyền lợi của các cổ đông và người lao động.

Trong trường hợp Hội đồng quản trị, Ban điều hành Công ty quản lý, sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán này không hiệu quả sẽ ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty, quyền lợi của cổ đông. Ngoài ra, việc phát hành cổ phiếu cũng tạo áp lực về doanh thu, lợi nhuận, cổ tức, hiệu quả sử dụng vốn, ... khi quy mô hoạt động kinh doanh, công tác quản lý chưa phù hợp.

Để khắc phục những rủi ro có thể xảy ra nêu trên, Công ty luôn hoàn thiện các thể chế hoạt động, năng lực quản lý, trình độ chuyên môn của Hội đồng quản trị, Ban điều hành cũng như công tác giám sát từ Ban kiểm soát. Thực hiện đúng chủ trương, kế hoạch hoạt động kinh doanh đã trình và được ĐHĐCĐ thông qua. Bên cạnh đó, Công ty không ngừng hoàn thiện hệ thống website, thực hiện công bố thông tin thường xuyên tới các cổ đông, thực hiện tốt công tác quản trị, quan hệ cổ đông.

7. Rủi ro khác

Các rủi ro khác như chiến tranh, thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh,...là những rủi ro bất khả kháng, mặc dù rất hiếm khi xảy ra, nhưng khi xảy ra có thể gây thiệt hại lớn về tài sản, con người và tình hình

hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Để giảm thiểu những rủi ro này, Bình Dương ACC thường xuyên nắm bắt kịp thời các thông tin trên các phương tiện truyền thông, xã hội, cũng như thường xuyên kiểm tra hệ thống phòng chống cháy nổ tại Công ty để giảm thiểu và phòng ngừa những tổn thất lớn có thể xảy ra.

II NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức phát hành

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC

Ông **Phạm Xuân Phương** Chức vụ: Chủ tịch HĐQT

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này.

2. Tổ chức tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN RỒNG VIỆT – CHI NHÁNH HÀ NỘI

Ông **Trần Thăng Long** Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Hà Nội

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán do Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt – Chi nhánh Hà Nội tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC cung cấp.

III CÁC TỪ VIẾT TẮT

UBCKNN	Ủy ban Chứng khoán nhà nước
Công ty, Tổ chức phát hành, Bình Dương ACC, ACC	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC
DHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
HĐQT	Hội đồng quản trị
BTGD	Ban Tổng Giám đốc
KTT	Kế toán trưởng
Tổ chức tư vấn	Công ty Cổ phần Chứng khoán Rông Việt - Chi nhánh Hà Nội
Điều lệ Công ty	Điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC
ĐKDN	Đăng ký doanh nghiệp
CBCNV	Cán bộ công nhân viên
CMTND	Chứng minh thư nhân dân
CP	Cổ phần
TV	Thành viên
VSD	Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam
CTCK	Công ty Chứng khoán
CTCP	Công ty cổ phần
TNCN	Thu nhập cá nhân
DTT, LNST	Doanh thu thuần, Lợi nhuận sau thuế

IV TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Tổng quan về Công ty

- Tên gọi : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC
- Tên tiếng Anh : ACC BINH DUONG INVESTMENT AND CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY
- Logo :



- Trụ sở chính : Lô D_3_CN, Đường N7, KCN Mỹ Phước, Phường Mỹ Phước, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương.
- Điện thoại : 0274.3.567.200
- Fax : 0274.3.567.201
- Website : www.becamexacc.com.vn
- Email : becamexacc@gmail.com
- Vốn điều lệ : 100.000.000.000 đồng (Một trăm tỷ đồng)
- Giấy chứng nhận ĐKDN số 3700926112 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 03/06/2008, thay đổi lần thứ 6 ngày 10/05/2019
- Ngành nghề kinh doanh:
 - ✓ Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.
Chi tiết: Mua bán công bê tông cốt thép các loại; bê tông xi măng, nhựa các loại; cấu kiện đúc sẵn; các loại vật liệu xây dựng; các cấu kiện kim loại, các sản phẩm cơ khí; Bán buôn gạch bê tông, gạch tự chèn, gạch block, gạch trống cỏ, gạch terrazzo (trừ hoạt động bên thủy nội địa).
 - ✓ Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.
 - ✓ Lắp đặt hệ thống điện.
 - ✓ Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại.
Chi tiết: Gia công cơ khí.
 - ✓ Sản xuất các cấu kiện kim loại.
Chi tiết: Sản xuất các cấu kiện kim loại.
 - ✓ Chuẩn bị mặt bằng.
Chi tiết: San lấp mặt bằng.
 - ✓ Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác.
Chi tiết: Xây dựng nền móng; đóng cọc, ép cọc; Thi công cấu kiện đúc sẵn; Dịch vụ cầu lắp.
 - ✓ Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá.
Chi tiết: Cắt và hoàn thiện đá xây dựng.
 - ✓ Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác.
 - ✓ Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình.
Chi tiết: Mua bán mặt hàng trang trí nội thất.
 - ✓ Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.
Chi tiết: Đầu tư và kinh doanh bất động sản (thực hiện theo quy định của tỉnh).

- ✓ Sửa chữa máy móc, thiết bị (trừ xử lý, tráng phủ, xi mạ kim loại).
- ✓ Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác (trừ xử lý, tráng phủ, xi mạ kim loại).
- ✓ Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét.
- ✓ Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan.
Chi tiết: Trồng cây đô thị.
- ✓ Phá dỡ.
- ✓ Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan.
- ✓ Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu
Chi tiết:
 - Mua bán hóa chất công nghiệp và phụ gia bê tông xi măng (trừ hóa chất bảng 1 theo Công ước quốc tế).
 - Bán buôn các loại khoáng sản phi kim loại như: đá, đất sét, cát, cao lanh, than bùn.
 - Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại.
(không chứa, phân loại, xử lý phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại tại trụ sở chính).
- ✓ Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét.
- ✓ Xây dựng công trình điện.
- ✓ Xây dựng công trình cấp, thoát nước.
- ✓ Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc.
- ✓ Xây dựng công trình công ích khác.
- ✓ Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao.
Chi tiết: Sản xuất cốt bê tông cốt thép các loại; Sản xuất bê tông nhựa các loại; Sản xuất bê tông xi măng các loại; Sản xuất cầu kiện đúc sẵn; Sản xuất gạch không nung; Sản xuất gạch bê tông, gạch tự chèn, gạch block, gạch trồng cỏ, gạch terrazzo.
- ✓ Xây dựng nhà để ô.
- ✓ Xây dựng nhà không để ô.
- ✓ Xây dựng công trình đường sắt.
- ✓ Xây dựng công trình đường bộ.
- ✓ Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí.
Chi tiết: Thi công lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước và điều hòa không khí.
- ✓ Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển.
Chi tiết: Cho thuê xe máy, thiết bị.
- ✓ Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đầu.
- ✓ Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (trừ than đá, phế liệu, hóa chất).
- ✓ Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ.
- ✓ Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt.
- ✓ Lắp đặt hệ thống xây dựng khác.
- ✓ Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất.
Chi tiết: Sàn giao dịch bất động sản (trừ định giá bất động sản).
- ✓ Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa.
Chi tiết: Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa. Môi giới hàng hóa (trừ môi giới bất động sản).
- ✓ Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.
Chi tiết: Xây dựng dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật.
- ✓ Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp.
- ✓ Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác.

- ✓ Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác.
- ✓ Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ vàng miếng).
- ✓ Bốc xếp hàng hóa (trừ bốc xếp hàng không).
- ✓ Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác.
- ✓ Vận tải hành khách ven biển và viễn dương.
- ✓ Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương.
- ✓ Vận tải hành khách đường thủy nội địa.
- ✓ Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa.
- ✓ Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ hoạt động bãi cát).
- ✓ Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng.
- ✓ Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác.
- ✓ Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu.
Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm từ nhựa đường và nguyên liệu tương tự.

1.2. Lịch sử hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa 2 Xí nghiệp Bê tông nhựa nóng và Xí nghiệp công bê tông cốt thép trực thuộc Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - TNHH Một Thành Viên (nay là Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP) theo Quyết định số 631/QĐ-UBND ngày 05/3/2008 của UBND tỉnh Bình Dương.

Công ty chính thức đi vào hoạt động theo hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700926112 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 03/06/2008 với vốn điều lệ 60.000.000.000 (Sáu mươi tỷ) đồng.

Năm 2009, Công ty đăng ký giao dịch trên sàn UPCOM, ngày giao dịch đầu tiên là ngày 22/12/2009.

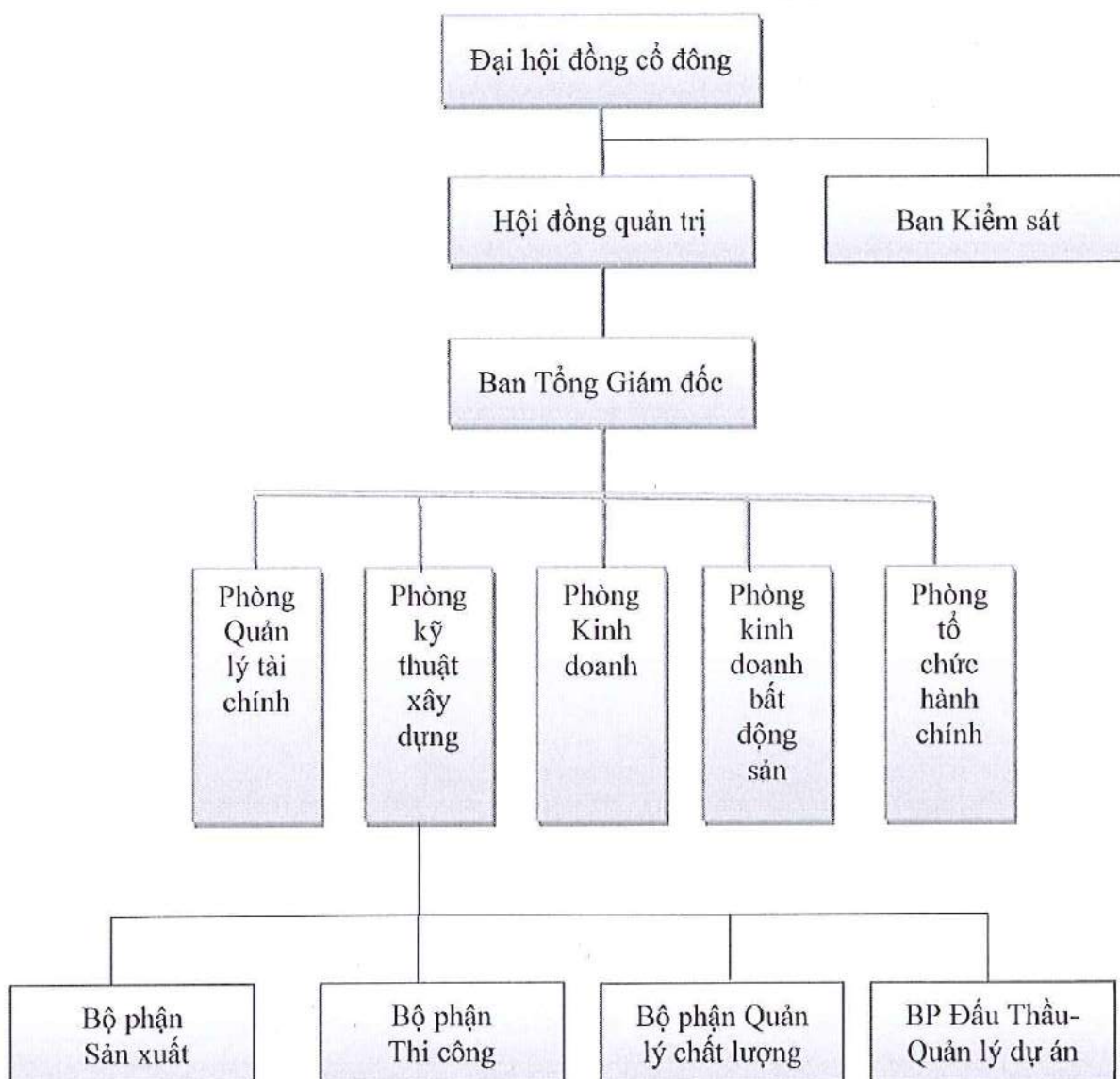
Năm 2010, Công ty phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ lên 100.000.000.000 đồng. Ngày 05/11/2010, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700926112 (cấp thay đổi lần thứ 2).

Năm 2011, Công ty đã niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM (Hose), ngày giao dịch đầu tiên là ngày 30/06/2011.

Ngày 10/05/2019, Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700926112 (cấp thay đổi lần thứ 6) Công ty Cổ phần Bê tông Becamex đổi tên thành Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC.

2. Cơ cấu tổ chức Công ty

Hình 3. Cơ cấu tổ chức của Công ty



3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC xây dựng cơ cấu bộ máy quản lý theo mô hình quản lý của công ty cổ phần, gồm:

- **Đại hội đồng cổ đông**

Đại hội đồng cổ đông bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền quyết định cao nhất của Công ty theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. ĐHĐCĐ có các quyền bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị theo các quy định cụ thể trong Điều lệ hoạt động của Công ty. Đồng thời ĐHĐCĐ cũng có thẩm quyền phê duyệt và thông qua các văn bản sau:

- ✓ Kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
- ✓ Báo cáo tài chính hàng năm;

- ✓ Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
- ✓ Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
- ✓ Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.

Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị Công ty là 05 người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị là 05 năm, thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định.

Cơ cấu HĐQT hiện nay của Công ty như sau:

- | | |
|---------------------------|-----------------|
| ✓ Ông : Phạm Xuân Phương | Chủ tịch HĐQT |
| ✓ Ông : Đỗ Mạnh Cường | Thành viên HĐQT |
| ✓ Ông : Nguyễn Quốc Thanh | Thành viên HĐQT |
| ✓ Ông: Ngô Anh Quân | Thành viên HĐQT |
| ✓ Ông : Nguyễn Bảo Long | Thành viên HĐQT |

Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc của Công ty bao gồm 01 Tổng Giám đốc và 03 Phó Tổng Giám đốc.

Ban Tổng giám đốc thực hiện điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty theo đúng thẩm quyền, và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

Ban Tổng Giám đốc bao gồm 04 thành viên như sau:

- | | |
|---------------------------|-----------------------------|
| ✓ Ông : Võ Thành Tài | Tổng Giám đốc |
| ✓ Ông : Phạm Hữu Nguyên | Phó Tổng Giám đốc |
| ✓ Ông : Phạm Huy Hậu | Phó Tổng Giám đốc tài chính |
| ✓ Ông : Nguyễn Xuân Cường | Phó Tổng Giám đốc |

Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát gồm có 03 thành viên với nhiệm kỳ hoạt động không quá 05 (năm) năm. Là tổ chức thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty. Ban kiểm soát gồm các thành viên như sau:

- | | |
|--------------------------|--------------------------|
| ✓ Ông : Hoàng Văn Anh | Trưởng Ban Kiểm soát |
| ✓ Ông : Nguyễn Thanh Hữu | Thành viên Ban Kiểm Soát |
| ✓ Bà : Lê Thị Tươi | Thành viên Ban Kiểm Soát |

CÁC PHÒNG BAN:

Phòng kinh doanh có các chức năng, nhiệm vụ chính là: Quản lý vật tư, phụ tùng thay thế, kho bãi, sản phẩm, hàng hóa phục vụ hoạt động mua bán, sản xuất kinh doanh; mua bán vật tư hàng hóa phục vụ sản xuất kinh doanh; tìm kiếm khách hàng, đối tác, nhà cung ứng; tìm kiếm thuê xe máy phục vụ vận chuyển, thi công; xúc tiến đàm phán, trình ký các hợp đồng; tổng hợp, đối chiếu và xác nhận khối lượng hàng tháng với khách hàng, đối tác, nhà cung ứng; phối hợp các phòng ban, bộ phận công ty kiểm kê hàng tháng, đối chiếu và thu hồi công nợ khách hàng; tiếp nhận và xử lý các phản hồi của khách hàng, đối tác, nhà cung ứng; tham mưu cho Ban Tổng giám đốc các nhiệm vụ mà phòng mình phụ trách...

Phòng kỹ thuật xây dựng có các chức năng, nhiệm vụ chính là: Quản lý hoạt động sản xuất, thi công; làm việc trực tiếp với đối tác, nhà thầu, chủ đầu tư để giải quyết các vấn đề về kỹ thuật, khối lượng thi công; quản lý nhà thầu; thiết kế, thi công các công trình xây dựng; quản lý chất lượng sản phẩm, nghiệm thu, xác nhận khối lượng, hồ sơ kỹ thuật; tham mưu cho Ban Tổng giám đốc các nhiệm vụ mà phòng mình phụ trách...

Phòng tổ chức hành chính có các chức năng, nhiệm vụ chính là: Quản lý nhân sự, hành chính, tiền lương, bảo hiểm xã hội; xây dựng quy chế chính sách đối với người lao động; quản lý điều hành lực lượng bảo vệ nội bộ, xe văn phòng, tạp vụ, vệ sinh cây xanh; quản lý vận hành nhà văn phòng và trang thiết bị văn phòng, phòng cháy chữa cháy; tổ chức các sự kiện, hỗ trợ hoạt động công đoàn; tham mưu cho Ban Tổng giám đốc các nhiệm vụ mà phòng mình phụ trách...

Phòng quản lý tài chính có các chức năng, nhiệm vụ chính là: Quản lý và hạch toán hồ sơ chứng từ kế toán; Báo cáo tài chính, báo cáo thuế; quản lý hoạt động tài chính, ngân hàng, thu, chi kho quỹ; tham mưu cho Ban Tổng giám đốc các nhiệm vụ mà phòng mình phụ trách...

Phòng kinh doanh bất động sản có các chức năng, nhiệm vụ chính là: Phát triển các dự án bất động sản của Công ty; xây dựng và triển khai có hiệu quả kế hoạch kinh doanh bất động sản đã đề ra; xây dựng và mở rộng các mối quan hệ với các đối tác, chủ đầu tư, chủ dự án, khách hàng; tham mưu cho Ban Tổng giám đốc các nhiệm vụ mà phòng mình phụ trách...

4. Danh sách cổ đông

4.1. Cổ đông sáng lập

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3700926112 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 03/06/2008. Đến nay cổ phần của cổ đông sáng lập đã hết thời gian hạn chế chuyển nhượng theo quy định của Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13.

Bảng 2. Danh sách cổ đông sáng lập tại thời điểm 03/06/2008

TT	Tên cổ đông sáng lập	Địa chỉ	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy CMND /ĐKKD
1	Công ty Đầu tư và Phát triển Công	Số 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú	Cổ phần	7.336.704	73.367.040.000	73,37%	3700145020

TT	Tên cổ đông sáng lập	Địa chỉ	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy CMND /ĐKKD
	ngiệp (sau này đổi tên thành: Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP)	Hòa, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	phổ thông				
2	Hà Ngô Trung Hiếu	180/30 Yersin, phường Hiệp Thành, Tp Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	Cổ phần phổ thông	16.400	164.000.000	0,16%	280552385
3	Đoàn Văn Thuận	Khu phố 1, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương	Cổ phần phổ thông	78.000	780.000.000	0,78%	280864280

Sau khi hết thời gian hạn chế chuyển nhượng của cổ đông sáng lập theo quy định (3 năm kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, tức sau ngày 03/06/2011) các cổ đông sáng lập đã chuyển nhượng cổ phần của mình cho tổ chức, cá nhân khác. Cụ thể, tính đến ngày 10/05/2019 (ngày Công ty thay đổi đăng ký doanh nghiệp lần thứ 6) thì: cổ đông Đoàn Văn Thuận đã chuyển nhượng toàn bộ 78.000 cổ phần (chiếm 0,78%), cổ đông Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP đã chuyển nhượng toàn bộ 7.336.704 cổ phần (chiếm 73,37%) và cổ đông Hà Ngô Trung Hiếu đã chuyển nhượng 1.030 (chiếm 0,01%) cổ phần.

Danh sách cổ đông sáng lập tại thời điểm Công ty đăng ký thay đổi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần 6 ngày 10/05/2019 như sau:

Danh sách cổ đông sáng lập tại thời điểm 10/05/2019

Stt	Tên cổ đông sáng lập	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy CMND (hoặc số chứng thực các nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; MSDN đối với doanh nghiệp
1	Hà Ngô Trung	180/30 Yersin, phường Hiệp Thành,	Cổ phần	15.370	153.700.000	0,15%	280552385

Stt	Tên cổ đông sáng lập	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy CMND (hoặc số chứng thực các nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; MSDN đối với doanh nghiệp
	Hiếu	Tp Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam	phổ thông				

(Nguồn: Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC)

4.2. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty và những người có liên quan tính đến thời điểm 22/05/2020

Bảng 3. Danh sách cổ đông lớn của Công ty

Stt	Cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Công ty Cổ Phần Kinh Doanh và Đầu Tư Bình Dương	Thửa đất số 265, tờ bản đồ 41, Khu phố 3A, P. Thới Hòa, TX. Bến Cát, Tỉnh Bình Dương	2.490.000	24,9%
2	Hoàng Xuân Quang	Tầng 8, Số 43BCD Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội	2.480.000	24,8%
3	Nguyễn Thị Kim Thanh	45 Hàm Long, P. Hàng Bài, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội	2.366.704	23,66%
4	PYN ELITE FUND (NON-UCITS)	C/O PYN FUND MANAGEMENT LTD, PL 139 00101, HELSINKI, FINLAND	999.200	9,992%
5	America LLC	PO Box F43031, Freeport, Bahamas	522.130	5,22%

(Nguồn: Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC)

Bảng 4. Danh sách người liên quan của cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn điều lệ của Công ty

❖ Danh sách người có liên quan của cổ đông Hoàng Xuân Quang:

TT	Tên cá nhân/ tổ chức	Địa chỉ	Số lượng CP nắm giữ, tỷ lệ sở hữu trên VDL của công ty (nếu có)	Mối quan hệ
1	Công ty CP Đá ốp	Thửa đất số 350, tờ bản đồ địa chính	0	Tổng giám đốc

TT	Tên cá nhân/ tổ chức	Địa chỉ	Số lượng CP nắm giữ, tỷ lệ sở hữu trên VDL của công ty (nếu có)	Mối quan hệ
	lát An Bình	số 71, ấp Tân Thịnh, xã An Bình, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương		
2	Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Hà Nội	Số 56 phố Lý Tự Trọng, phường Quang Trung, quận Hà Đông, Hà Nội	0	Nhân viên
3	Hoàng Văn Đức	Số 223, tổ 4, phường Kiến Hưng, quận Hà Đông, Hà Nội	0	Cha
4	Nguyễn Thị Hương	Số 223, tổ 4, phường Kiến Hưng, quận Hà Đông, Hà Nội	0	Mẹ
5	Hoàng Thị Lệ Thủy	Số 223, tổ 4, phường Kiến Hưng, quận Hà Đông, Hà Nội	0	Chị ruột

(Nguồn: ACC)

❖ Danh sách người có liên quan của cổ đông Nguyễn Thị Kim Thanh:

TT	Tên cá nhân/ tổ chức	Địa chỉ	Số lượng CP nắm giữ, tỷ lệ sở hữu trên VDL của công ty (nếu có)	Mối quan hệ
1	Nguyễn Văn Xam (đã mất)		0	Cha ruột
2	Lê Thị Quỳnh (đã mất)		0	Mẹ ruột
3	Phan Thiên Sơn (đã mất)		0	Chồng
4	Phan Thị Thanh Hoa	Số 45 Hàm Long, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	0	Con ruột
5	Phan Thanh Quang	Số 45 Hàm Long, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	0	Con ruột
6	Nguyễn Văn Viễn	Số 45 Hàm Long, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	0	Anh ruột
7	Nguyễn Văn Đồng	Số 45 Hàm Long, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	0	Anh ruột
8	Nguyễn Thị Vinh	Số 45 Hàm Long, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	0	Chị ruột
9	Nguyễn Thị Thanh Bình	Số 45 Hàm Long, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	0	Em ruột

(Nguồn: ACC)

❖ Danh sách người có liên quan của cổ đông Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Bình Dương:

TT	Tên cá nhân/ tổ chức	Địa chỉ	Số lượng CP nắm giữ, tỷ lệ sở hữu trên VDL của công ty (nếu có)	Mối quan hệ
1	Phạm Xuân Phương	43C phố Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	Đại diện sở hữu: 2.490.000 cổ phần; Cá nhân sở hữu: Không có.	Chủ tịch HĐQT, cổ đồng sở hữu trên 10% cổ phần lưu hành có quyền biểu quyết của ITC
2	Phan Thị Thanh Hoa	Số 45 Hàm Long, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	0	Thành viên HĐQT, cổ đồng sở hữu trên 10% cổ phần lưu hành có quyền biểu quyết của ITC
3	Đặng Thành Kiên	Số 33 phố Lãn Ông, phường Hàng Bồ, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.	0	Thành viên HĐQT
4	Nguyễn Thị Loan	Phường Hiệp Thành, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	0	Thành viên BKS
5	Nguyễn Thị Kim Dung	Tổ 5, khu 9, đường Nguyễn Thị Minh Khai, phường Phú Hòa, thành phố Thủ Dầu Một, Bình Dương	0	Thành viên BKS
6	Vũ Mạnh Thuận	Phường Him Lam, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên	0	Thành viên BKS
7	Đặng Thành Kiên	33 Lãn Ông, phường Hàng Bồ, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	0	Tổng GD
8	Nguyễn Quốc Thanh	ấp Xóm Bưng, xã Thanh Tuyền, huyện Dầu Tiếng, Bình Dương	0	Phó Tổng GD
9	Trương Văn Nghĩa	Số 4/117/11 phố Nguyễn Sơn, phường Gia Thụy, quận Long Biên, Tp Hà Nội	0	Phó Tổng GD
10	Phạm Huy Hậu	Khu phố Bình Thuận 2, phường Thuận Giáo, thị xã Thuận An Bình Dương	0	Kế toán trưởng

(Nguồn: ACC)

4.3. Cơ cấu cổ đông tính đến thời điểm 22/05/2020

Bảng 5. Cơ cấu cổ đông của Công ty

TT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Giá trị cổ phần theo mệnh giá (đồng)	Tỷ lệ/ Vốn Điều Lệ
I	Nhà nước	-	-	-	-
II	Cổ đông trong nước	413	8.084.654	80.846.540.000	80,85%
1	Tổ chức	10	2.490.058	24.900.580.000	24,90%
2	Cá nhân	403	5.594.596	55.945.960.000	55,95%
III	Cổ đông nước ngoài	35	1.915.346	19.153.460.000	19,15%
1	Tổ chức	11	1.723.676	17.236.760.000	17,23%
2	Cá nhân	24	191.670	1.916.700.000	1,92%
	Cộng	448	10.000.000	100.000.000.000	100%

(Nguồn: Danh sách cổ đông ACC tại ngày chốt danh sách cổ đông ngày 22/05/2020)

5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành

- Danh sách những Công ty mẹ của tổ chức phát hành: Không có
- Danh sách những Công ty con của tổ chức phát hành mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối:

Bảng 6. Danh sách công ty con của Công ty

STT	Tên Công ty	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu	Ngành nghề kinh doanh chính
1	Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP (BMJ)	4.479.600	74,66%	<ul style="list-style-type: none"> - Khai thác khoáng sản (trừ khai thác cát); - Sản xuất vật liệu xây dựng; - Mua bán vật liệu xây dựng, khoáng sản; - Kinh doanh vận tải hàng hóa; - San lấp mặt bằng; - Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, khu dân cư và khu đô thị; - Kinh doanh bất động sản; - Cho thuê nhà ở, căn hộ, nhà xưởng và văn phòng; - Dịch vụ nhà ở công nhân.

STT	Tên Công ty	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu	Ngành nghề kinh doanh chính
2	Công ty Cổ phần Đá ốp lát An Bình (ABG)	1.350.000	60%	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng và hoàn thiện đá; - Sản xuất vật liệu xây dựng không nung; - Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; - Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét (Hoạt động đập vỡ, nghiền đá).

(Nguồn: ACC)

6. Danh sách công ty nhận đầu tư, góp vốn từ tổ chức phát hành

Bảng 7. Danh sách công ty nhận đầu tư, góp vốn từ ACC

STT	Tên Công ty	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu	Ngành nghề kinh doanh chính
1	Công ty Cổ phần Bệnh viện Mỹ Phước	2.490.000	12,45%	<ul style="list-style-type: none"> - Hoạt động của bệnh viện; Hoạt động của phòng khám chữa bệnh; - Bán buôn dược phẩm; Bán buôn máy móc, thiết bị y khoa
2	Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông Thủy lợi Bình Dương	85.670	10,98%	<ul style="list-style-type: none"> - Thi công xây dựng các công trình giao thông, dân dụng, công cộng, công nghiệp, thủy lợi, cấp thoát nước, bưu điện; - Xây lắp điện trung hạ thế (đến 35KVA), hệ thống chiếu sáng, đèn tín hiệu và biển báo giao thông; - Trồng cây đô thị; - Dịch vụ sơn kẻ vạch phân luồng bằng sơn nóng; - Thẩm tra thiết kế kỹ thuật, tổng dự toán các công trình giao thông, thủy lợi, dân dụng, công cộng, công nghiệp, thủy lợi, cấp thoát nước, bưu điện và công trình xây lắp điện trung thế; - Thiết kế xây dựng cầu, đường bộ.

(Nguồn: ACC)

7. Quá trình tăng vốn của Công ty

Kể từ thời điểm thành lập Công ty đến nay, Công ty đã thực hiện tăng vốn điều lệ 01 lần. Cụ thể:

Bảng 8. Quá trình tăng vốn của Công ty

Đơn vị tính: tỷ đồng

STT	Thời gian	Vốn điều lệ tăng thêm	Vốn điều lệ sau khi tăng vốn	Hình thức phát hành	Căn cứ pháp lý
1	05/11/2010	40 tỷ đồng	100 tỷ đồng	Chào bán cổ phiếu ra công chúng	- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 02/2010/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/04/2010 - Nghị quyết HĐQT số 05/2010/NQ-HĐQT ngày 30/06/2010 - Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng của UBCKNN số 621/UBCK-GCN ngày 28/07/2010 - Giấy đăng ký kinh doanh số 3700926112 đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 05/11/2010

(Nguồn: ACC)

Về việc sử dụng vốn trong đợt tăng vốn điều lệ năm 2010: Ngày 14/04/2011 Công ty có công văn báo cáo số 10-2011/TB-HĐQT gửi đến Ủy ban chứng khoán Nhà nước về việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu năm 2010 đảm bảo thực hiện báo cáo đúng quy định trong vòng 6 tháng (tính từ ngày hoàn thành đợt chào bán 14/10/2010). Trong đó nêu rõ:

+ Số tiền thu được từ đợt chào bán: 41.583.961.363 đồng;

+ Số vốn sử dụng đến ngày 14/04/2011 là: 41.583.961.363 đồng (toàn bộ số tiền dùng để thanh toán các khoản nợ luân chuyển và nợ vay ngân hàng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo đúng mục đích đã được ĐHĐCĐ thông qua).

Công ty cam kết những nội dung giải trình trên đây là hoàn toàn chính xác và đúng sự thật. Công ty xin nhận hoàn toàn trách nhiệm đối với bất kỳ vấn đề phát sinh nào (nếu có) liên quan đến nội dung nêu trên.

8. Hoạt động kinh doanh

8.1. Sản lượng sản phẩm/Giá trị dịch vụ của Công ty qua các năm

8.1.1. Các sản phẩm/dịch vụ chính

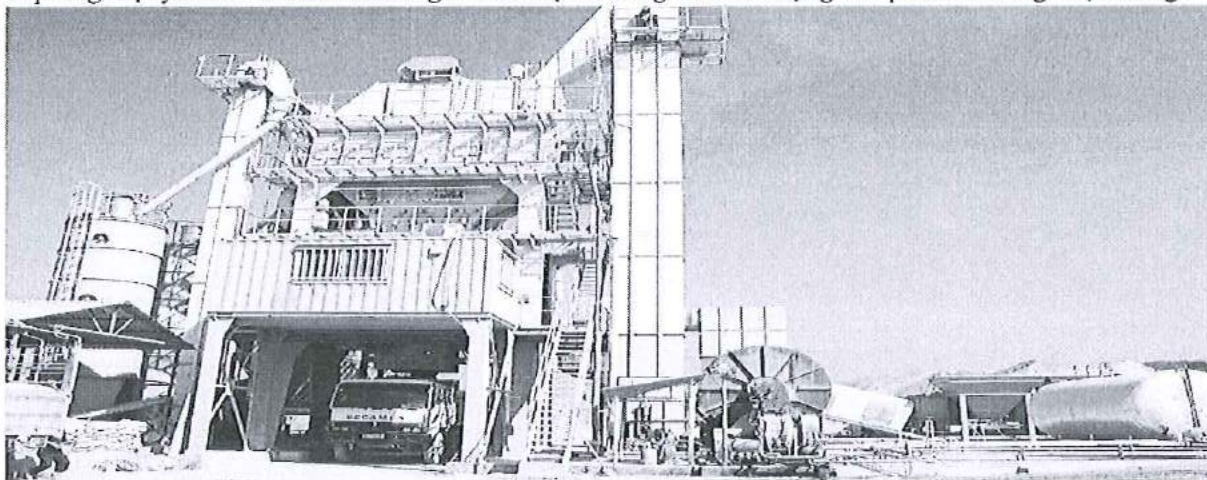
Hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC tập trung chính vào kinh doanh các mặt hàng như bê tông nhựa nóng, bê tông cốt thép, bê tông xi măng các loại, cấu kiện đúc sẵn. Bên cạnh đó, công ty còn thi công xây dựng công trình giao thông, thi công, xây

dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, công trình công cộng, công trình hạ tầng kỹ thuật, thi công các công trình thủy lợi. Ngoài ra, công ty còn cung cấp các dịch vụ vận tải hàng hoá bằng đường bộ.

a. *Bê tông nhựa nóng*

- **Sản xuất bê tông nhựa nóng**

Sản phẩm bê tông nhựa nóng của công ty luôn đạt chất lượng cao và ổn định, điều này được thể hiện qua các công trình đã thi công trong nhiều năm qua. Trong suốt quá trình sản xuất, Công ty luôn kiểm soát chặt chẽ từ khâu thiết kế cấp phối cho đến nguyên vật liệu đầu vào. Với dây chuyền trạm trộn bê tông nhựa nóng hiện đại, công suất 240 T/h, hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 và đội ngũ nhân viên có trình độ chuyên môn, nhiều kinh nghiệm, Bình Dương ACC luôn đáp ứng mọi yêu cầu của khách hàng về tiến độ thi công và chất lượng sản phẩm bê tông nhựa nóng.



(Nguồn: ACC)

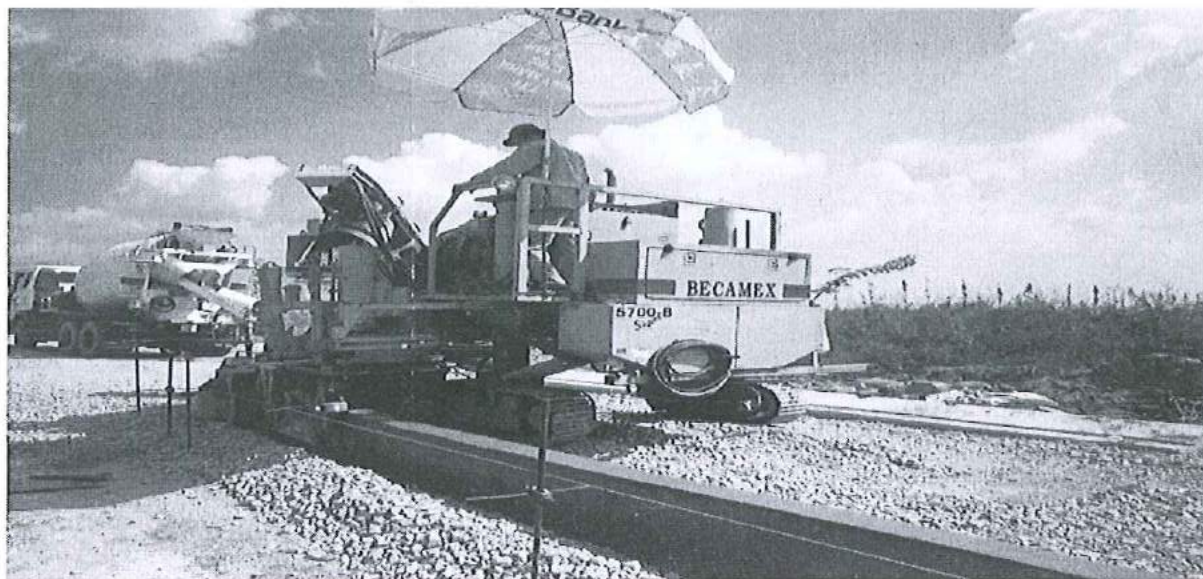
- **Thi công bê tông nhựa nóng**

Với chính sách chất lượng: “Chất lượng cho mọi công trình”, các đội thi công được trang bị xe máy thiết bị chuyên dùng đầy đủ và hiện đại tương thích với công suất của trạm trộn bê tông nhựa nóng, đặc biệt là xe chuyên dùng VOGELE của Đức cộng với đội ngũ CBCNV lành nghề, chuyên nghiệp đã và đang tạo nên sản phẩm bề mặt bê tông nhựa nóng sau thi công luôn đạt chất lượng, thẩm mỹ và đảm bảo tiến độ cho mọi công trình.



(Nguồn: ACC)

b. Bê tông xi măng

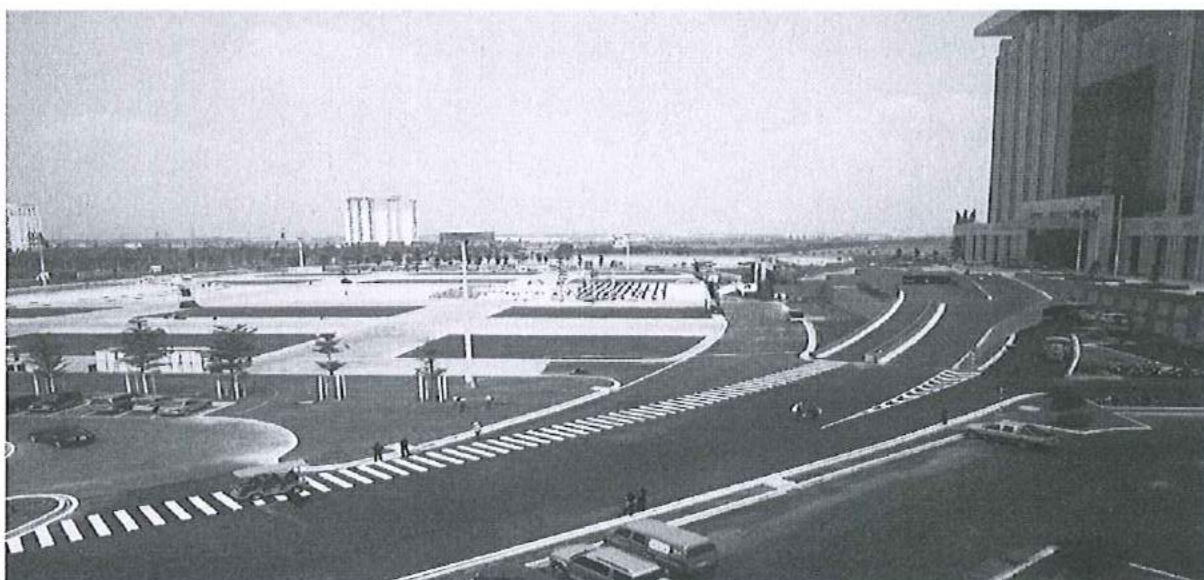


(Nguồn: ACC)

Bình Dương ACC sở hữu đội xe thi công bê tông xi măng hiện đại, năng suất cao POWER CURBERS 5700B của Mỹ với tính năng đa dạng: thi công bó vỉa, vỉa hè, dải phân cách và thảm mặt đường bê tông xi măng đảm bảo thi công đúng quy cách thiết kế theo yêu cầu của khách hàng, đạt chất lượng và thẩm mỹ cho mọi công trình.

c. Thi công sơn kẻ đường

Đội thi công sơn đường chuyên nghiệp, giàu kinh nghiệm, thiết bị thi công chuyên dụng, luôn sử dụng các loại sơn của những hãng lớn có uy tín trên thị trường sẽ tạo cho các công trình vẻ đẹp nổi bật, bền bỉ với thời gian và cảm giác an toàn.



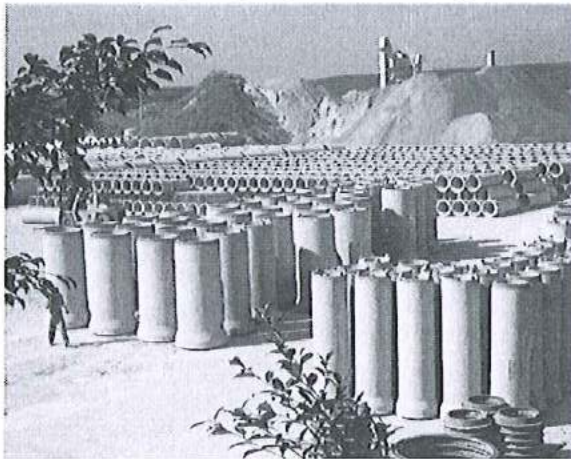
(Nguồn: ACC)

d. Bê tông cốt thép

Các sản phẩm từ bê tông cốt thép của công ty bao gồm: lồng thép, cống tròn bê tông, cống hộp bê tông và cầu kiện bê tông cốt thép đúc sẵn.

Lồng thép được sản xuất bởi các máy hàn tự động MBK của Đức tạo nên các thông số lồng thép chính xác theo yêu cầu thiết kế, kiểm soát từ kích cỡ cho đến khối lượng, các mối hàn liên kết chắc chắn, giữ ổn định vị trí cho quá trình rung và ép để tạo ra sản phẩm đạt chất lượng.

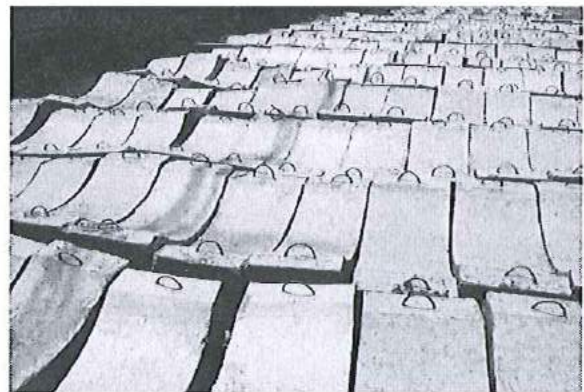
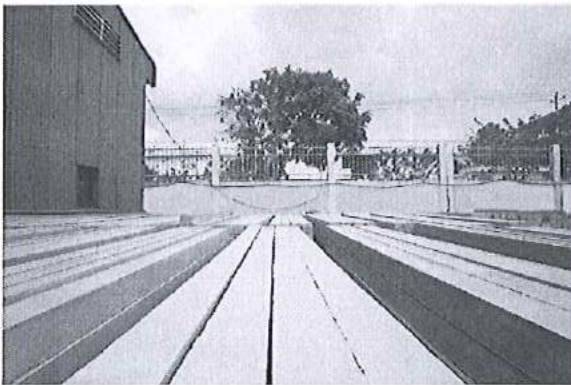
Với dây chuyền công nghệ đúc công hiện đại của Mỹ, điểm nổi bật là năng suất cao, thành phần hạt trong cấp phối bê tông được phân bố đồng đều, đạt độ chặt và chống thấm tốt, tối ưu hóa khả năng chịu lực của sản phẩm. Mặt khác, trong quá trình sản xuất thành phần cấp phối bê tông được kiểm soát chặt chẽ bởi hệ thống cân điện tử tự động. Các yếu tố nêu trên đã tạo nên sản phẩm công bê tông công tròn và bê tông công hộp đạt chất lượng.



(Nguồn: ACC)

e. *Cấu kiện bê tông đúc sẵn*

Các sản phẩm cấu kiện bê tông đúc sẵn của công ty rất đa dạng về chủng loại và đều được kiểm soát chất lượng chặt chẽ từ kết cấu cốt thép tới bê tông, định hình sản phẩm.



(Nguồn: ACC)

f. *Quản lý chất lượng*

Bộ phận quản lý chất lượng được trang bị sử dụng các thiết bị cần thiết chuyên dụng để phục vụ công tác kiểm tra nguyên vật liệu, các mẫu trong quá trình sản xuất, nhằm kiểm soát chặt chẽ quá trình tạo sản phẩm, từ nguyên vật liệu đầu vào đến thành phẩm. Nên đảm bảo sản phẩm tạo ra luôn ổn định chất lượng và thẩm mỹ khi xuất xưởng.

g. *Dịch vụ vận chuyển*

Bình Dương ACC có đầy đủ các loại phương tiện xe máy thiết bị phục vụ vận chuyển nguyên

vật liệu sản phẩm và thi công các công trình xây dựng.

8.1.2. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Bảng 9. Cơ cấu doanh thu của Công ty theo báo cáo tài chính công ty mẹ

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	9T/2020
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	304.334	402.153	263.252
1.1	Doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm	304.343	402.175	263.316
1.2	Các khoản giảm trừ	9	22	64
2	Doanh thu hoạt động tài chính	7.154	7.204	2.834
3	Thu nhập khác	232	3.541	678
Tổng doanh thu và thu nhập khác		311.720	412.898	266.764

(Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2018, 2019, BCTC riêng Quý 3/2020 của ACC)

Bảng 10: Cơ cấu doanh thu của Công ty theo báo cáo tài chính hợp nhất

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	9T/2020
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	380.457	473.638	314.964
1.1	Doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm	380.466	473.661	315.028
1.2	Các khoản giảm trừ	9	22	64
2	Doanh thu hoạt động tài chính	1.890	3.207	766
3	Thu nhập khác	555	5.270	1.139
Tổng doanh thu và thu nhập khác		382.902	482.115	316.869

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2018, 2019, BCTC hợp nhất Quý 3/2020 của ACC)

Nhìn chung, Doanh thu thuần của Công ty có chiều hướng tăng qua các năm. Do Công ty không ngừng đẩy mạnh tìm kiếm khách hàng mới bên cạnh củng cố và chăm sóc các khách hàng truyền thống.

8.1.3. Cơ cấu chi phí của Công ty

Bảng 11. Cơ cấu chi phí của Công ty theo báo cáo tài chính công ty mẹ

(Đơn vị: triệu đồng)

TT	Yếu tố chi phí	Năm 2018		Năm 2019		9T/2020	
		Giá trị	Tỷ trọng /DTT (%)	Giá trị	Tỷ trọng /DTT (%)	Giá trị	Tỷ trọng /DTT (%)

TT	Yếu tố chi phí	Năm 2018		Năm 2019		9T/2020	
		Giá trị	Tỷ trọng /DTT (%)	Giá trị	Tỷ trọng /DTT (%)	Giá trị	Tỷ trọng /DTT (%)
1	Giá vốn hàng bán	252.023	82,81%	336.072	83,57%	201.279	76,46%
2	Chi phí tài chính	414	0,14%	1.936	0,48%	9.000	3,42%
3	Chi phí bán hàng	11.220	3,69%	11.191	2,78%	10.012	3,80%
4	Chi phí QLDN	14.830	4,87%	16.712	4,16%	14.266	5,42%
Tổng cộng		278.487	91,51%	365.911	90,99%	234.557	89,09%

(Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2018,2019, BCTC riêng Quý 3/2020 của ACC)

Bảng 12. Cơ cấu chi phí của Công ty theo báo cáo tài chính hợp nhất

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Yếu tố chi phí	Năm 2018		Năm 2019		9T/2020	
		Giá trị	Tỷ trọng /DTT (%)	Giá trị	Tỷ trọng /DTT (%)	Giá trị	Tỷ trọng /DTT (%)
1	Giá vốn hàng bán	304.205	79,96%	383.962	81,07%	228.192	72,45%
2	Chi phí tài chính	-1.025	-0,27%	2.138	0,45%	9.000	2,86%
3	Chi phí bán hàng	13.827	3,63%	13.295	2,81%	11.100	3,52%
4	Chi phí QLDN	23.514	6,18%	25.078	5,29%	20.296	6,44%
Tổng cộng		340.521	89,50%	424.473	89,62%	268.588	85,27%

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2018,2019, BCTC hợp nhất Quý 3/2020 của ACC)

Giá vốn hàng bán luôn chiếm tỷ trọng cao trong Doanh thu thuần của Công ty. Giá vốn hàng bán có xu hướng tăng nhẹ trong giai đoạn từ 2018 – 2019. Bên cạnh đó, Chi phí bán hàng cũng có xu hướng giảm dần trong giai đoạn 2018 – 2019.

8.2. Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh hay cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực đầu tư, sản xuất kinh doanh hay cung cấp dịch vụ chính của tổ chức phát hành

a) Tình hình đầu tư

Bảng 13. Các khoản mục tài sản của Công ty các năm gần đây

(Đơn vị: triệu đồng)

Khoản mục	31/12/2018	31/12/2019	% tăng/giảm	30/09/2020
Theo báo cáo tài chính riêng				
Tiền và tương đương tiền	9.342	73.812	690,11%	48.957
Khoản phải thu ngắn hạn	53.716	155.850	190,14%	192.236

Hàng tồn kho	141.499	77.482	-45,24%	174.745
Tài sản ngắn hạn khác	3.389	1.074	-68,31%	6.954
Tài sản cố định	23.715	19.841	-16,34%	19.528
Tài sản dở dang dài hạn	-	-	-	-
Đầu tư tài chính dài hạn	85.319	85.701	0,45%	85.701
Tài sản dài hạn khác	1.437	614	-57,27%	19.634
Theo báo cáo tài chính hợp nhất				
Tiền và tương đương tiền	55.112	132.036	139,58%	57.506
Khoản phải thu ngắn hạn	83.273	170.081	104,25%	269.023
Hàng tồn kho	149.372	78.330	-47,56%	184.229
Tài sản ngắn hạn khác	4.659	1.761	-62,20%	7.680
Các khoản phải thu dài hạn	2.044	2.044	0,00%	3.011
Tài sản cố định	35.358	72.938	106,28%	74.827
Bất động sản đầu tư	8.584	8.584	0,00%	8.584
Tài sản dở dang dài hạn	-	292	-	-
Đầu tư tài chính dài hạn	26.350	26.530	0,68%	26.530
Tài sản dài hạn khác	2.297	4.424	92,60%	24.578

(Nguồn: Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất đã kiểm toán năm 2018, 2019 và BCTC riêng và hợp nhất Quý 3/2020 của ACC)

Nguồn vốn của Công ty chủ yếu được đầu tư vào tài sản ngắn hạn, trong đó hàng tồn kho và các khoản phải thu ngắn hạn chiếm tỷ trọng lớn nhất. Tuy nhiên đến thời điểm 31/12/2019, tỷ trọng của hàng tồn kho giảm còn tỷ trọng của khoản phải thu ngắn hạn tăng. Nhìn chung tình hình cơ cấu tài sản của Công ty vẫn đảm bảo nằm trong mức ổn định.

b) Hiệu quả sản xuất kinh doanh

Theo BCTC riêng, hiệu quả sản xuất kinh doanh như sau:

Bảng 14. Cơ cấu doanh thu qua các năm

(Đơn vị: triệu đồng)

Sản phẩm	Năm 2018		Năm 2019		9T/2020	
	Giá trị	Tỷ trọng (%/DTT)	Giá trị	Tỷ trọng (%/DTT)	Giá trị	Tỷ trọng (%/DTT)
Sản xuất và thi công thám bê tông nhựa nóng	94.727	31,13	137.070	34,08	95.485	36,27
Xây dựng hạ tầng kỹ thuật giao thông	75.983	24,97	74.966	18,64	51.218	19,46
Xây dựng dân dụng và công nghiệp	39.427	12,96	89.646	22,29	30.592	11,62
Cống tròn	73.768	24,24	76.964	19,13	59.896	22,75
Cống hộp	9.876	3,24	4.680	1,16	8.529	3,24
Cấu kiện bê tông cốt thép	8.072	2,64	15.622	3,88	8.340	3,17
Cung cấp hàng hóa dịch vụ, cho thuê XMTB	2.482	0,82	3.201	0,82	9.192	3,49

Sản phẩm	Năm 2018		Năm 2019		9T/2020	
	Giá trị	Tỷ trọng (%/DTT)	Giá trị	Tỷ trọng (%/DTT)	Giá trị	Tỷ trọng (%/DTT)
Tổng	304.335	100	402.152	100	263.252	100

(Nguồn: ACC)

Bảng 15. Cơ cấu lợi nhuận gộp theo sản phẩm/dịch vụ qua các năm

(Đơn vị: triệu đồng)

Sản phẩm	Năm 2018		Năm 2019		9T/2020	
	Giá trị	Tỷ trọng (%/DTT)	Giá trị	Tỷ trọng (%/DTT)	Giá trị	Tỷ trọng (%/DTT)
Lợi nhuận gộp bán thành phẩm	23.528	7,7	25.773	6,4	26.053	9,9
Lợi nhuận gộp thi công công trình	27.383	8,99	39.329	9,8	35.284	13,4
Lợi nhuận gộp cung cấp dịch vụ hàng hóa	1.410	0,46	1.000	0,24	635	0,24
Tổng lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	52.311	17,15	66.102	16,44	61.973	23,54

(Nguồn: ACC)

Lợi nhuận gộp của Công ty chủ yếu đến từ hoạt động bán thành phẩm và thi công công trình. Tỷ suất Lợi nhuận gộp/Doanh thu thuần được giữ vững ở mức ổn định khoảng 16-17%. Điều này có được do Công ty luôn chú trọng đến chất lượng, uy tín của sản phẩm do Công ty cung cấp, từ đó xây dựng được nhiều mối quan hệ gắn bó với các đơn vị là khách hàng lâu năm đã mua sắm và sử dụng hàng hóa, dịch vụ của Công ty. Đồng thời Công ty luôn tăng cường kiểm tra, giám sát các khoản mục chi phí, đảm bảo công tác chi tiêu ngân sách được sử dụng thích hợp; kịp thời phát hiện, đánh giá và điều chỉnh các khoản mục chi phí tăng không hợp lý.

8.3. Hoạt động marketing

Các hoạt động kinh doanh của Công ty đều dựa trên các khách hàng truyền thống và uy tín sản phẩm của Công ty qua 12 năm hoạt động. Do đặc thù sản phẩm của Công ty là sản phẩm phục vụ cho việc xây dựng cơ sở hạ tầng và xây dựng dân dụng công nghiệp nên đối tượng khách hàng là các công ty, doanh nghiệp chuyên về đầu tư xây dựng. Công ty chú trọng đến đối tượng khách hàng là các công ty trong các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Dương và các tỉnh lân cận bằng hình thức quảng cáo trên báo đài, đăng pano quảng cáo trên các tuyến đường huyết mạch của tỉnh và trong các tuyến đường tại các khu công nghiệp, sân vận động tỉnh... nhằm tăng cường hình ảnh, thương hiệu của Công ty đến các nhà đầu tư và các doanh nghiệp có nhu cầu đối với các sản phẩm của Công ty.

8.4. Nhận hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Hình 4. Biểu tượng logo của Công ty



Vòng tròn thể hiện hình ảnh của Cổng tròn Bê tông cốt thép, màu xám là màu của xi măng. Vạch xanh ở dưới thể hiện mặt đường được trải thảm bê tông nhựa nóng. Màu tối là màu của đường giao thông. Tên Công ty được thể hiện bằng màu đỏ để làm nổi bật thương hiệu cho các sản phẩm truyền thống.

Công ty chưa thực hiện đăng ký chứng nhận thương hiệu.

8.5. Một số hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết

Bảng 16. Một số hợp đồng đầu ra của ACC

Số hợp đồng	Ngày hợp đồng	Ngày hiệu lực	Ngày kết thúc	Giá trị (VNĐ)	Nội dung
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây Dựng Hiệp Phong				2.382.345.295	
01-20101/HĐKT-ACC	20/02/2020	20/02/2020		727.605.670	Cung cấp bê tông nhựa, nhựa pha dầu, nhũ tương
01-20402/HĐKT-ACC	20/02/2020	20/02/2020		75.752.160	Thảm bê tông nhựa, tưới nhựa pha dầu và nhũ tương
02-20102/HĐKT/ACC	02/01/2020	02/01/2020	31/07/2020	1.578.987.465	Cung cấp cổng tròn, gối cổng và joint cổng
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Hà Nội				191.012.166.044	
03A-19308/HĐXD/ITC-ACC	01/10/2019	10/10/2019		191.012.166.044	Thi công xây dựng khu nhà phố thương mại
Công ty Cổ phần Phát Triển Hạ Tầng Kỹ Thuật				8.957.653.054	
10-20307/HĐXD/IJC-ACC	08/07/2020	08/07/2020		2.300.007.039	Thi công hệ thống thoát nước mưa

Số hợp đồng	Ngày hợp đồng	Ngày hiệu lực	Ngày kết thúc	Giá trị (VNĐ)	Nội dung
09-20307/HĐXD/IJC-ACC	01/07/2020	01/07/2020		1.357.646.015	Thi công thoát nước mưa, nước thải và vỉa hè
02-20308/HĐXD/IJC-ACC	17/01/2020	17/01/2020		5.300.000.000	Thi công công trình nhà phố thương mại
Công ty Cổ phần SetiaBecamex				19.011.776.070	
08-20307/HĐXD/SETIA-ACC	12/06/2020	12/06/2020		10.119.997.317	Thi công đường, thoát nước mưa, nước thải khu R8AB-gia đoạn 2
01-20307/HĐXD/SETIA-ACC	03/02/2020	03/02/2020		8.891.778.753	Thi công đường, thoát nước mưa, nước thải khu R8AB-gia đoạn 1
Tổng Công Ty Đầu Tư Và Phát Triển Công Nghiệp - CTCP				70.456.739.982	
07-20307/HĐXD/IDC-ACC	26/05/2020	26/05/2020	31/05/2020	3.604.032.561	Thi công đường giao thông, hệ thống thoát nước
26-20301/HĐXD/IDC-ACC	11/05/2020	11/05/2020	31/12/2021	5.398.072.316	Cung cấp và thi công dầm và bê tông nhựa
25-20301/HĐXD/IDC-ACC	11/05/2020	11/05/2020	31/12/2020	5.234.825.535	Cung cấp và thi công thảm bê tông nhựa
24-20301/HĐXD/IDC-ACC	28/04/2020	28/04/2020	31/12/2021	1.682.043.462	Cung cấp và thi công thảm bê tông nhựa
23-20301/HĐXD/IDC-ACC	28/04/2020	28/04/2020	31/12/2021	1.036.896.960	Cung cấp và thi công thảm bê tông nhựa
22-20301/HĐXD/IDC-ACC	16/04/2020	16/04/2020	31/12/2021	2.728.557.533	Cung cấp và thi công thảm bê tông nhựa
19-20301/HĐXD/IDC-ACC	08/04/2020	08/04/2020	31/12/2021	3.500.459.750	Cung cấp và thi công thảm bê tông nhựa
20-20301/HĐXD/IDC-ACC	08/04/2020	08/04/2020	31/12/2021	4.014.161.857	Cung cấp và thi công thảm bê tông nhựa
21-20301/HĐXD/IDC-ACC	08/04/2020	08/04/2020	31/12/2021	1.778.346.032	Cung cấp và thi công thảm bê tông nhựa
16-20301/HĐXD/IDC-	06/04/2020	06/04/2020	31/12/2021	337.979.400	Cung cấp và

Số hợp đồng	Ngày hợp đồng	Ngày hiệu lực	Ngày kết thúc	Giá trị (VND)	Nội dung
ACC					thi công thảm bê tông nhựa
05-20307/HĐXD/IDC-ACC	06/04/2020	06/04/2020	06/12/2021	2.800.296.519	Thi công đường giao thông, hệ thống thoát nước
18-20301/HĐXD/IDC-ACC	27/03/2020	27/03/2020	31/12/2021	1.667.272.376	Cung cấp và thi công thảm bê tông nhựa
15-20301/HĐXD/IDC-ACC	25/03/2020	25/03/2020	31/12/2021	61.448.985	Thi công thảm nhựa, xử lý mặt đường, phá dỡ gờ giảm tốc
13-20301/HĐXD/IDC-ACC	25/03/202	25/03/2020	31/12/2021	3.712.531.608	Cung cấp và thi công thảm bê tông nhựa
14-20301/HĐXD/IDC-ACC	13/03/2020	13/03/2020	31/12/2021	1.264.120.880	Cung cấp và thi công thảm bê tông nhựa
03-20307/HĐXD/IDC-ACC	10/03/2020	10/03/2020	31/12/2021	1.074.532.582	Thi công đường giao thông, hệ thống thoát nước
10-20301/HĐXD/IDC-ACC	05/03/2020	05/03/2020	31/12/2021	834.983.543	Cung cấp và thi công thảm bê tông nhựa
12-20301/HĐXD/IDC-ACC	05/03/2020	05/03/2020	31/12/2021	1.500.596.665	Cung cấp và thi công dặm và bê tông nhựa
09-20301/HĐXD/IDC-ACC	05/03/202	05/03/2020	31/12/2021	1.352.371.245	Cung cấp và thi công thảm bê tông nhựa
11-20301/HĐXD/IDC-ACC	05/03/2020	05/03/2020	31/12/2021	2.541.816.301	Cung cấp và thi công dặm và bê tông nhựa
08-20301/HĐXD/IDC-ACC	21/02/2020	21/02/2020	31/12/2021	766.056.060	Cung cấp và thi công thảm bê tông nhựa
07-20301/HĐXD/IDC-ACC	11/02/2020	11/02/2020	31/12/2021	1.129.210.803	Cung cấp và thi công thảm bê tông nhựa
06-20301/HĐXD/IDC-ACC	10/02/2020	10/02/2020	31/12/2021	7.308.397.802	Cung cấp và thi công thảm bê tông nhựa
05-20301/HĐXD/IDC-ACC	10/02/2020	10/02/2020	31/12/2021	7.041.193.434	Cung cấp và thi công thảm bê tông nhựa
04-20301/HĐXD/IDC-ACC	16/01/2020	16/01/2020	31/12/2021	3.007.696.648	Cung cấp và thi công thảm

Số hợp đồng	Ngày hợp đồng	Ngày hiệu lực	Ngày kết thúc	Giá trị (VNĐ)	Nội dung
					bê tông nhựa
03-20301/HĐXD/IDC-ACC	10/01/2020	10/01/2020	31/12/2021	370.735.385	Cung cấp và thi công thảm bê tông nhựa
01-20301/HĐXD/IDC-ACC	08/01/2020	08/01/2020	31/12/2021	4.565.251.360	Cung cấp và thi công thảm bê tông nhựa
01-20102/HĐKT/ACC	02/01/2020	02/01/2020	28/04/2021	Hợp đồng có đơn giá mỗi sản phẩm	Cung cấp các loại cống, cầu kiện bê tông cốt thép, lắp đặt và di dời cống

(Nguồn: ACC)

Bảng 17. Một số nhà cung cấp nguyên vật liệu cho ACC

Tên nguyên vật liệu	Nguồn cung cấp	Ngày ký hợp đồng	Thời hạn của hợp đồng	Sản lượng tiêu thụ trong năm (đơn vị)	Tổng giá trị tiêu thụ (triệu đồng)
Nhựa đường, nhũ tương	Nhập khẩu thông qua nhà cung cấp trong nước: ADCO, ICT, Trantimex, MTT	10/5/2019; 02/01/2020; 27/3/2020; 02/01/2020	1 năm (ký lại hàng năm)	4.500 tấn	51.000
Xi măng bột	Công ty Khăng Tiến	31/3/2020	1 năm (ký lại hàng năm)	12.700 tấn	16.663
Thép các loại	Công ty Hợp lực, Công ty Hậu Giang, Công ty An Kiệt	24/9/2020; 02/01/2020; 02/01/2020	1 năm (ký lại hàng năm)	1.600 tấn	21.678
Đá, cát các loại	Công ty Khoáng sản Bình Dương, AHP, Mai Thành, Hà Nhật Quang, Đức Pháp, Phú Quang,	02/01/2020; 02/01/2020; 02/01/2020; 26/5/2020; 23/6/2020; 02/01/2020;	1 năm (ký lại hàng năm)	112.500 tấn	35.873

Tên nguyên vật liệu	Nguồn cung cấp	Ngày ký hợp đồng	Thời hạn của hợp đồng	Sản lượng tiêu thụ trong năm (đơn vị)	Tổng giá trị tiêu thụ (triệu đồng)
	Trường Thịnh	01/4/2020; 11/3/2020			
Dầu các loại	Thành Lợi, Phụng Tân Tiến, Công nghệ mới,..	02/01/2020; 23/12/2019	1 năm (ký lại hàng năm)	902.000 lít	12.000
Bê tông tươi	Công ty TDC, Khăng Tiến	02/01/2020; 26/3/2020	1 năm (ký lại hàng năm)	6.500 m3	7.250

(Nguồn: Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC)

9. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh qua các năm

9.1. Một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh

Theo báo cáo tài chính của công ty mẹ, một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm:

Bảng 18. Chỉ tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh theo báo cáo tài chính công ty mẹ ACC

(Đơn vị: triệu đồng)

TT	Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	% Tăng/Giảm	9T/2020
1	Tổng giá trị tài sản	318.417	414.374	30,14%	547.754
2	Vốn chủ sở hữu	193.559	208.346	7,64%	229.554
3	Doanh thu thuần	304.335	402.175	32,15%	263.252
4	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	33.001	43.445	31,65%	31.530
5	Lợi nhuận khác	222	3.513	1.482,43%	676
6	Lợi nhuận trước thuế	33.223	46.957	41,34%	32.205
7	Lợi nhuận sau thuế	27.835	38.961	39,97%	26.212
8	Cổ tức (%/mệnh giá)	18%	5%	-	-

(Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2018, 2019 và BCTC riêng Quý 3/2020 của ACC)

Theo báo cáo tài chính hợp nhất của công ty, một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm:

Bảng 19. Chỉ tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh theo báo cáo tài chính hợp nhất ACC

(Đơn vị: Triệu đồng)

TT	Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	% Tăng/Giảm	9T/2020
1	Tổng giá trị tài sản	367.049	497.020	35,41%	655.967
2	Vốn chủ sở hữu	231.979	248.583	7,16%	281.105

TT	Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	% Tăng/Giảm	9T/2020
3	Doanh thu thuần	380.457	473.638	24,50%	314.965
4	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	41.825	52.373	25,22%	47.142
5	Lợi nhuận khác	239	4.902	1.951,05%	936
6	Lợi nhuận trước thuế	42.064	57.275	36,16%	48.078
7	Lợi nhuận sau thuế	33.275	45.863	37,83%	38.592
8	Cổ tức (%/mệnh giá)	18%	5%	-	-

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2018, năm 2019 và BCTC hợp nhất Quý 3/2020 của ACC)

9.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2018 và 2019

- Thuận lợi:

✓ Trong năm 2019, Doanh thu thuần và Lợi nhuận trước thuế của Công ty đạt lần lượt 473,6 tỷ đồng và 57,3 tỷ đồng, tương ứng tăng 24,50% và 36,16% so với năm 2018. Trong các năm qua, Công ty thực hiện đồng bộ các giải pháp đẩy mạnh hoạt động bán hàng, nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ, kết hợp công tác quản lý chi phí nên đã hoàn thành các chỉ tiêu đề ra, lợi nhuận đã vượt mức kế hoạch.

- Khó khăn

✓ Do đặc thù kinh doanh của Công ty là sản xuất và thi công các những sản phẩm, dịch vụ liên quan đến lĩnh vực xây dựng hạ tầng, thi công công trình dân dụng, công nghiệp ... nên nhu cầu vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh tương đối lớn. Hơn nữa thời gian thực hiện và nghiệm thu các hợp đồng thi công xây dựng tương đối dài, kéo theo việc công ty sẽ có thời gian quay vòng vốn dài hơn so với các công ty kinh doanh thương mại khác.

✓ Tình hình dịch bệnh Covid-19 tiếp tục diễn biến nghiêm trọng và khó dự đoán đã và đang gây ảnh hưởng rất xấu đến ngành bất động sản, nhiều dự án phải tạm dừng hoặc thi công cầm chừng. Điều này gây ảnh hưởng gián tiếp đến hoạt động của Công ty như: gặp khó khăn trong việc tập hợp lao động do yêu cầu thực hiện giãn cách xã hội để hạn chế lây lan của dịch bệnh trong trường hợp dịch bệnh bùng phát tại các địa bàn có dự án đang thi công; hoạt động mua bán, vận chuyển vật liệu xây dựng gặp những khó khăn nhất định do nhiều cửa hàng ngừng hoạt động, đóng cửa.

10. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

10.1. Vị thế của Công ty trong ngành

Với truyền thống lâu năm hoạt động trong lĩnh vực bê tông thương phẩm và xây lắp công trình, Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC đã tạo dựng cho mình được thương hiệu và sự tín nhiệm của đối tác, bạn hàng trong nước. Trong những năm qua Công ty không ngừng lớn mạnh và phát triển liên tục. Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC là nhà cung cấp cho các đối tác lớn như CTCP Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật, Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP, Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật Becamex Bình Phước, Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương,... cùng nhiều công ty, doanh nghiệp xây dựng khác.

10.2. Triển vọng phát triển của ngành

Việt Nam được đánh giá là một trong những nền kinh tế mới nổi, có tiềm năng tăng trưởng cao. Trong quá trình hội nhập với nền kinh tế thế giới, đặc biệt là làn sóng chuyển đổi các nhà máy từ Trung Quốc sang các quốc gia khác mà trong đó Việt Nam là một điểm đến được các nhà đầu tư nước ngoài đặc biệt chú trọng ở khu vực Đông Nam Á, do vậy Việt Nam đặt mục tiêu phấn đấu đẩy mạnh hoạt động đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật mạnh mẽ với nhiều dự án xây dựng khu công nghiệp, bất động sản trong thời gian sắp tới. Theo đó triển vọng phát triển của ngành thi công xây dựng tại Việt Nam được đánh giá là có triển vọng lớn trong những năm tới.

10.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước

Các hoạt động kinh doanh chính của Bình Dương ACC hiện nay và trong thời gian tới gồm: Sản xuất và thi công bê tông nhựa nóng; Xây dựng hạ tầng kỹ thuật, dân dụng và công nghiệp; Cống bê tông cốt thép, cầu kiện bê tông đúc sẵn và cung cấp hàng hóa dịch vụ, cho thuê xe máy thiết bị. Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Bình Dương ACC luôn chú trọng đến các yêu cầu khắt khe về đảm bảo an toàn sản xuất, bảo vệ môi trường sinh thái. Điều đó cho thấy định hướng phát triển của Công ty hoàn toàn phù hợp với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế trên thế giới.

Định hướng của Công ty trong những năm tiếp theo là:

- Tiếp tục giữ vững và mở rộng thị trường kinh doanh truyền thống, tiếp cận các dự án, công trình của các chủ đầu tư trong và ngoài tỉnh; nâng cao uy tín thương hiệu thông qua việc nâng cao chất lượng sản phẩm.
- Nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động sản xuất và thi công tại các công trường thông qua việc kiểm soát chất lượng nguyên vật liệu đầu vào, các định mức, nhân công, ca máy,...
- Nắm bắt cơ hội phát triển các ngành nghề kinh doanh khác bên cạnh các ngành nghề truyền thống; nắm bắt thông tin thị trường và đánh giá đúng tình hình thực tiễn của Công ty để đưa ra các biện pháp điều hành kịp thời, linh hoạt, phù hợp với định hướng, chỉ đạo của Hội đồng quản trị.
- Phát huy lợi thế từ nguồn nhân lực nhiều kinh nghiệm, không ngừng bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý cho cán bộ điều hành, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tay nghề cho người lao động. Đưa ra những chính sách khen thưởng, chế độ phúc lợi thích hợp để kịp thời khuyến khích người lao động có thành tích tốt trong công việc gắn bó đồng hành cùng Công ty.
- Chú trọng công tác an toàn lao động, giám sát về phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường trong quá trình từ sản xuất đến thi công, từ nhà máy đến công trường.

11. Chính sách đối với người lao động

- Tổng số lao động tính đến thời điểm 30/07/2020 của Công ty là 249 người, trong đó:

Bảng 20. Cơ cấu lao động theo chỉ tiêu

Phân loại	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Trình độ lao động		
- Thạc sĩ	3	1,20%
- Cử nhân, Kỹ sư	48	19,28%

Phân loại	Số lượng	Tỷ lệ (%)
- Cao đẳng	7	2,81%
- Trung học chuyên nghiệp	20	8,03%
- Phổ thông trung học và trình độ khác	171	68,67%
Tổng cộng	249	100%

(Nguồn: ACC)

- Chế độ làm việc

Thời gian làm việc: Công ty tổ chức làm việc 8h/ngày, 6 ngày/tuần, nghỉ trưa 1h. Thực hiện nghỉ vào ngày chủ nhật. Khi có yêu cầu về tiến độ kinh doanh thì nhân viên Công ty có trách nhiệm làm thêm giờ và Công ty có những quy định đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của Nhà nước và đãi ngộ thỏa đáng cho người lao động. Bộ phận gián tiếp làm theo giờ hành chính, bộ phận trực tiếp được bố trí làm theo ca.

Điều kiện làm việc: Văn phòng làm việc được thiết kế khang trang, thoáng mát. Lực lượng lao động trực tiếp được trang bị đầy đủ các phương tiện và công cụ làm việc, vệ sinh, đảm bảo an toàn lao động.

- Chính sách tuyển dụng

Công tác tuyển dụng được thực hiện theo chiến lược phát triển của Công ty và thực hiện theo kế hoạch hàng năm. Công ty đề ra tiêu chí tuyển dụng lao động, trong đó ưu tiên lao động tốt nghiệp đại học và sau đại học trong và ngoài nước, lao động có chuyên môn giỏi, kinh nghiệm và năng lực đáp ứng được yêu cầu của Công ty, sinh viên khá giỏi vừa mới tốt nghiệp trong và ngoài nước nhằm tạo nguồn phát triển lâu dài cho Công ty.

- Chính sách đào tạo

Chính sách đào tạo cho người lao động luôn được Công ty chú trọng. Với mục tiêu nâng cao chất lượng chuyên môn và nghiệp vụ của nguồn nhân lực, Bình Dương ACC đã xây dựng quy trình đào tạo nhằm đảm bảo thực hiện việc đào tạo một cách khoa học, hệ thống và mang lại hiệu quả cao. Bên cạnh đó, Công ty luôn gửi các cán bộ có thành tích xuất sắc và năng lực tốt đi tham gia vào các lớp bồi dưỡng, nâng cao nghiệp vụ do Công ty tổ chức hoặc do các trường Đại học, Trung tâm dạy nghề mở để nâng cao tay nghề, nghiệp vụ và kiến thức chuyên môn. Ngoài ra Công ty cũng thường xuyên tổ chức những chuyến tham quan cho đội ngũ lao động của mình để tìm hiểu các mô hình kỹ thuật ứng dụng công nghệ mới trong xây dựng để họ làm quen và nâng cao trình độ công nghệ trong toàn Công ty.

- Chính sách lương thưởng

Công ty đã ban hành quy chế tiền lương thưởng dựa trên sự đóng góp của từng lao động vào sự phát triển của công ty. Ngoài các đợt khen thưởng trong các dịp lễ, tết của quốc gia, Công ty còn có những chính sách thưởng đột xuất đối với các cá nhân và tập thể có những đóng góp nổi bật hoặc có những ý tưởng và giải pháp sáng tạo mang lại hiệu quả trong quá trình sản xuất. Tiền lương, phụ cấp lương dựa trên thang bảng lương đăng ký có thỏa thuận với người lao động. Đối với tiền thưởng: Công ty thực hiện chế độ thưởng đối với người lao động theo quy chế lương thưởng tại Công ty tùy thuộc vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong quý, trong năm, và kết quả phân phối lợi nhuận do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Hàng năm, Công ty tổ chức cho người lao động đi tham quan, nghỉ mát, khuyến học cho con em họ; Tặng quà cho người lao động trong các dịp lễ tết, sinh nhật; Kịp thời giúp đỡ, hỗ trợ khi có khó khăn. Công ty thực hiện các chính sách từ thiện xã hội tổ

chức phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao nhằm nâng cao đời sống tinh thần cho người lao động, đồng thời góp phần đóng góp phúc lợi xã hội.

- Chính sách trợ cấp

Công ty luôn tuân thủ và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về trợ cấp đối với người lao động theo đúng quy định hiện hành, tùy lĩnh vực công tác mà nhân viên Công ty còn nhận được thêm phụ cấp độc hại, trợ cấp xa gia đình (nếu được điều động đi công tác dài hạn cách xa nơi cư trú).

Nhìn chung, các chính sách đối với người lao động của Công ty thực hiện trong những năm qua đã thực sự đem lại hiệu quả, tạo ra sự cạnh tranh thi đua trong công việc, tạo động lực và giữ vững niềm tin nơi người lao động để họ tiếp tục gắn bó và cống hiến hết mình cho Công ty

12. Chính sách cổ tức

Công ty thực hiện việc chi trả cổ tức theo quy định tại Điều lệ công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Theo đó, cổ tức sẽ được công ty công bố và chi trả từ nguồn lợi nhuận sau thuế nhưng không được vượt quá mức do Hội đồng quản trị đề xuất sau khi được Đại hội cổ đông thông qua. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng Quản trị có thể tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty. Việc chi trả cổ tức sẽ được tiến hành khi Công ty kinh doanh có lãi và đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định pháp luật.

Bảng 21. Tình hình chi trả cổ tức các năm gần đây của Công ty

Năm	2018	2019	Dự kiến 2020
Tỷ lệ trả cổ tức (%)	18%	5%	≥ 5%
Hình thức	Bằng tiền mặt	Bằng tiền mặt	-

(Nguồn: ACC)

13. Tình hình tài chính

13.1. Các chỉ tiêu cơ bản

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính của Công ty được ghi chép bằng đồng Việt Nam, được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

- Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh
Vốn điều lệ hiện tại của Công ty là 100.000.000.000 (một trăm tỷ) đồng.

Tại ngày 31/12/2019, vốn kinh doanh của Công ty theo báo cáo tài chính của công ty mẹ đã kiểm toán bao gồm:

Bảng 22. Vốn kinh doanh của Công ty theo báo cáo tài chính công ty mẹ

(Đơn vị: triệu đồng)

Vốn kinh doanh	31/12/2019	30/09/2020
Vay và Nợ thuê tài chính ngắn hạn	85.808	208.780
Vay và Nợ thuê tài chính dài hạn	-	-
Vốn chủ sở hữu. Trong đó:	208.346	229.554
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	100.000	100.000
- Thặng dư vốn cổ phần	1.527	1.527
- Các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	107.819	118.972

(Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán năm 2019 và BCTC riêng Quý 3/2020 của ACC)

Vốn kinh doanh của Công ty được sử dụng như sau:

(Đơn vị: triệu đồng)

Khoản mục	31/12/2018	31/12/2019	% tăng/giảm	30/09/2020
Theo báo cáo tài chính riêng				
Tiền và tương đương tiền	9.342	73.812	690,11%	48.957
Khoản phải thu ngắn hạn	53.716	155.850	190,14%	192.236
Hàng tồn kho	141.499	77.482	-45,24%	174.745
Tài sản ngắn hạn khác	3.389	1.074	-68,31%	6.954
Tài sản cố định	23.715	19.841	-16,34%	19.528
Tài sản dở dang dài hạn	-	-		-
Đầu tư tài chính dài hạn	85.319	85.701	0,45%	85.701
Tài sản dài hạn khác	1.437	614	-57,27%	19.634
Theo báo cáo tài chính hợp nhất				
Tiền và tương đương tiền	55.112	132.036	139,58%	57.505
Khoản phải thu ngắn hạn	83.273	170.081	104,25%	269.022
Hàng tồn kho	149.372	78.330	-47,56%	184.228
Tài sản ngắn hạn khác	4.659	1.761	-62,20%	7.680
Các khoản phải thu dài hạn	2.044	2.044	0,00%	3.011
Tài sản cố định	35.358	72.938	106,28%	74.827
Bất động sản đầu tư	8.584	8.584	0,00%	8.584
Tài sản dở dang dài hạn	-	292	-	-
Đầu tư tài chính dài hạn	26.350	26.530	0,68%	26.530
Tài sản dài hạn khác	2.297	4.424	92,60%	24.578

(Nguồn: Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất đã kiểm toán năm 2018, 2019 và BCTC riêng và hợp nhất Quý 3/2020 của ACC)

- Trích khấu hao TSCĐ:

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng dựa theo thời gian hữu dụng ước tính cụ thể như sau:

Bảng 23. Thời gian trích khấu hao các nhóm tài sản của Công ty

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 14
Máy móc thiết bị	02 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	02 - 08
Tài sản cố định hữu hình khác	06 - 08

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2019 của ACC)

- Mức lương bình quân:

Công ty áp dụng thang bảng lương tiên tiến tự xây dựng phù hợp với đặc thù sản xuất kinh

doanh của Công ty, người lao động được nhận tiền lương, tiền thưởng, vv... căn cứ vào hợp đồng lao động, kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty và kết quả công việc cụ thể của từng người theo quy chế của Công ty.

Bảng 24. Mức lương bình quân của CBCNV trong Công ty

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	9T2020
Mức lương bình quân (VNĐ)	7.448.729	8.141.143	11.465.663

(Nguồn: ACC)

- Thanh toán các khoản nợ đến hạn:

Công ty luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản nợ và khoản vay đến hạn, đến thời điểm.

- Các khoản phải nộp theo luật định:

Công ty thực hiện nghiêm túc nghĩa vụ nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp và các khoản phải nộp Nhà nước khác theo đúng quy định hiện hành. Số dư các khoản thuế và phải nộp cho nhà nước như sau:

Bảng 25. Số dư các khoản thuế và phải nộp nhà nước theo báo cáo tài chính công ty mẹ

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019	30/09/2020
1	Thuế giá trị gia tăng	-	3.144	-
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	394	3.706	4.306
3	Thuế thu nhập cá nhân	7	67	95
Tổng cộng		401	6.917	4.401

(Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán năm 2018, 2019 và BCTC riêng Quý 3/2020 của ACC)

Bảng 26. Số dư các khoản thuế và phải nộp nhà nước theo báo cáo tài chính hợp nhất

(Đơn vị: triệu đồng)

STT	Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019	30/09/2020
1	Thuế giá trị gia tăng	644	4.669	713
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.664	4.605	5.852
3	Thuế thu nhập cá nhân	8	74	150
4	Thuế tài nguyên	1.784	1849	1.872
5	Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	155	154
Tổng cộng		4.100	11.355	8.741

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2018, 2019 và BCTC hợp nhất Quý 3/2020 của ACC)

- Trích lập các quỹ theo luật định

Công ty thực hiện trích lập các quỹ dựa trên cơ sở lợi nhuận hàng năm và kế hoạch phát triển của Công ty theo đúng Điều lệ Công ty và luật định. Mức trích lập cụ thể cho từng năm sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên đề xuất của Hội đồng quản trị.

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019	30/09/2020
Theo báo cáo tài chính riêng				
	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.969	3.262	273

STT	Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019	30/09/2020
	Quỹ đầu tư phát triển	56.123	56.124	56.124
Theo báo cáo tài chính hợp nhất				
	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.385	5.178	1.083
	Quỹ đầu tư phát triển	59.025	61.147	61.603

(Nguồn: Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất kiểm toán năm 2018, 2019 và BCTC riêng và hợp nhất Quý 3/2020 của ACC)

- Tình hình công nợ hiện nay

Các khoản vay nợ ngắn hạn và dài hạn

Theo báo cáo tài chính công ty mẹ, các khoản vay nợ ngắn hạn và dài hạn của công ty như sau:

Bảng 27. Các khoản vay nợ ngắn hạn và dài hạn của Công ty theo báo cáo tài chính công ty mẹ

(Đơn vị: triệu đồng)

Khoản vay	31/12/2018	31/12/2019	30/09/2020
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	10.240	85.808	208.780
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Bắc Bình Dương	-	19.350	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai	10.240	23.732	52.091
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Tây Hồ	-	42.726	81.798
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương	-	-	74.891
Tổng cộng	10.240	85.808	

(Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán năm 2018, 2019 và BCTC riêng Quý 3/2020 của ACC)

Bảng 28. Các khoản vay nợ ngắn hạn và dài hạn của Công ty theo báo cáo tài chính hợp nhất

(Đơn vị: triệu đồng)

Khoản vay	31/12/2018	31/12/2019	30/09/2020
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	10.240	85.808	208.780
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Bắc Bình Dương	-	19.350	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai	10.240	23.732	52.091
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Tây Hồ	-	42.726	81.798
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương	-	-	74.891
Tổng cộng	10.240	85.808	

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2018, 2019 và BCTC hợp nhất Quý 3/2020 của ACC)

Các khoản phải thu

Số dư các khoản phải thu của Công ty như sau:

Bảng 29. Các khoản phải thu của ACC theo báo cáo tài chính Công ty mẹ
(Đơn vị: triệu đồng)

STT	Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019	30/09/2020
I	Phải thu ngắn hạn	53.716	155.850	192.236
1	Phải thu khách hàng	54.202	155.122	108.681
2	Trả trước cho người bán	71	976	38.679
3	Phải thu ngắn hạn khác	42	349	45.473
4	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(599)	(597)	(597)
II	Phải thu dài hạn	-	-	-
	Tổng cộng	53.716	155.850	192.236

(Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán năm 2018, 2019 và BCTC riêng Quý 3/2020 của ACC)
Bảng 30. Các khoản phải thu của ACC theo báo cáo tài chính hợp nhất
(Đơn vị: triệu đồng)

STT	Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019	30/09/2020
I	Phải thu ngắn hạn	83.273	170.081	269.023
1	Phải thu khách hàng	81.258	168.502	134.650
2	Trả trước cho người bán	2.144	1.322	85.192
3	Phải thu ngắn hạn khác	470	854	49.778
4	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(599)	(597)	(597)
II	Phải thu dài hạn	2.044	2.044	3.011
	Tổng cộng	85.317	172.125	272.034

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2018, 2019 và BCTC hợp nhất Quý 3/2020 của ACC)
Các khoản phải trả

Số dư các khoản phải trả của Công ty như sau:

Bảng 31. Số dư các khoản phải trả của Công ty các năm gần đây theo báo cáo tài chính công ty mẹ
(Đơn vị: triệu đồng)

STT	Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019	30/09/2020
I	Nợ ngắn hạn	117.352	195.664	308.412
1	Phải trả người bán ngắn hạn	97.639	90.339	81.563
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	1.354	866	707
3	Thuế và các khoản phải nộp cho nhà nước	401	6.916	4.401
4	Phải trả người lao động	2.296	4.328	2.770
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	565	2.677	3.417
6	Phải trả ngắn hạn khác	1.590	1.414	6.476
7	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	10.241	85.808	208.780
8	Dự phòng phải trả ngắn hạn	1.297	54	24
9	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.969	3.262	273
II	Nợ dài hạn	7.505	10.364	9.788

STT	Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019	30/09/2020
1	Dự phòng phải trả dài hạn	7.505	10.364	9.788
Tổng cộng		124.857	206.028	318.200

(Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán năm 2018, 2019 và BCTC riêng Quý 3/2020 của ACC)

Bảng 32. Số dư các khoản phải trả của Công ty các năm gần đây theo báo cáo tài chính hợp nhất
(Đơn vị: triệu đồng)

STT	Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019	30/09/2020
I	Nợ ngắn hạn	125.521	202.757	328.791
1	Phải trả người bán ngắn hạn	97.570	82.603	88.332
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	1.690	1.099	950
3	Thuế và các khoản phải nộp cho nhà nước	4.099	11.355	8.741
4	Phải trả người lao động	3.491	5.148	3.700
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	840	8.851	9.263
6	Phải trả ngắn hạn khác	2.908	2.662	7.917
7	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	10.241	85.808	208.780
8	Dự phòng phải trả ngắn hạn	1.297	53	24
9	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.385	5.178	1.083
II	Nợ dài hạn	9.549	45.680	46.072
1	Chi phí phải trả dài hạn	-	32.946	32.946
2	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	326	326
3	Dự phòng phải trả dài hạn	9.549	12.408	12.800
Tổng cộng		135.070	248.437	374.863

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2018, 2019 và BCTC hợp nhất Quý 3/2020 của ACC)

13.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 33. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty các năm gần đây theo báo cáo tài chính Công ty mẹ

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2018	Năm 2019
1. Các chỉ tiêu về khả năng ngắn hạn			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,77	1,58
- Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,57	1,18
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	39,21	49,72
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	64,51	98,89
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
- Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	1,99	3,07
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	Lần	1,00	1,10
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	9,15	9,69
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	14,59	19,39

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2018	Năm 2019
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	9,11	10,63
- Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	10,84	10,80
- Thu nhập trên cổ phần (EPS)	Đồng/CP	2.783	3.896

(Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán năm 2018, 2019 của ACC)

Bảng 34. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty các năm gần đây theo báo cáo tài chính hợp nhất

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2018	Năm 2019
1. Các chỉ tiêu về khả năng ngắn hạn			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	2,33	1,89
- Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,14	1,50
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	36,80	49,99
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	58,23	99,94
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
- Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	2,21	3,37
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	Lần	1,09	1,10
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	8,75	9,68
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	14,61	19,09
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	9,51	10,62
- Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	10,99	11,06
- Thu nhập trên cổ phần (EPS)	Đồng/CP	3.327	4.586

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2018, 2019 của ACC)

14. Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Ban Kiểm soát

14.1. Hội đồng quản trị

Phạm Xuân Phương	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Đỗ Mạnh Cường	Thành viên độc lập
Nguyễn Quốc Thanh	Thành viên
Ngô Anh Quân	Thành viên độc lập
Nguyễn Bảo Long	Thành viên

14.1.1. Ông Phạm Xuân Phương – Chủ tịch Hội đồng quản trị

Họ và tên: **PHẠM XUÂN PHƯƠNG**
 Giới tính: **Nam**
 Ngày tháng năm sinh: **30/6/1965**
 Quốc tịch: **Việt Nam**

CMND số: 012093134 Ngày cấp: 10/10/2010 Nơi cấp: CA TP Hà Nội
 Địa chỉ: 43C phố Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
 Trình độ chuyên môn: Không
 Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1984 – 1990	Công ty XNK Lạng Sơn	Nhân viên
1990 – 1998	Chi nhánh Công ty TM&XNK tỉnh Sông Bé tại Lạng Sơn	Giám đốc
1998 – 2003	Trung tâm Khoa học tự nhiên và Công nghệ quốc gia	Cán bộ
2003 – 2019	Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Bình Dương	Chủ tịch HĐQT kiêm TGD
2019 – nay	Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Bình Dương Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP Công ty Cổ phần Đá ốp lát An Bình	Chủ tịch HĐQT

Chức vụ công tác hiện nay:

- ✓ Chức vụ tại Công ty: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty
- ✓ Chức vụ tại tổ chức khác: - Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần đầu tư và xây dựng Bình Dương ACC;
 - Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đá ốp lát An Bình;
 - Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Bình Dương.

Tổng số cổ phiếu nắm giữ: 2.490.000 cổ phiếu, trong đó:

- ✓ Đại diện sở hữu: 2.490.000 cổ phiếu, chiếm 24,90% vốn điều lệ.
- ✓ Cá nhân sở hữu: 0 cổ phiếu.

Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của Công ty: Công ty CP Kinh doanh và Đầu tư Bình Dương sở hữu 2.490.000 cổ phiếu ACC.

Những khoản nợ đối với Công ty: Không có

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

14.1.2. Ông Đỗ Mạnh Cường – Thành viên Hội đồng quản trị

Họ và tên: **ĐỖ MẠNH CƯỜNG**
 Giới tính: Nam
 Ngày tháng năm sinh: 28/11/1980
 Quốc tịch: Việt Nam
 CCCD số: 001080021227 Ngày cấp: 06/02/2018 Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
 Địa chỉ thường trú: Số 95 ngõ 252 phố Tây Sơn, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, Hà Nội.
 Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế xây dựng
 Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2003 – 2006	Công ty Cổ phần xây dựng số 3 Hà Nội	Cán bộ kế hoạch
2006 – 2009	Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây dựng Viglacera	Cán bộ dự toán
2009 – 2014	Công ty Cổ phần Kiến trúc và Xây dựng Nam Trường Phong	Trưởng phòng dự án
2014 – 2019	Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư xây dựng Nguyên Việt	Chủ tịch HĐQT
2019 – nay	Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư xây dựng Nguyên Việt	Chủ tịch HĐQT
	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP	Thành viên HĐQT

Chức vụ công tác hiện nay:

- ✓ Chức vụ tại Công ty: Thành viên Hội đồng quản trị
- ✓ Chức vụ tại tổ chức khác: - Chủ tịch Hội đồng quản trị - Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư xây dựng Nguyên Việt
- Thành viên Hội đồng quản trị - Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP

Tổng số cổ phiếu nắm giữ: 0 cổ phiếu, trong đó:

✓ Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu

✓ Cá nhân sở hữu: 0 cổ phiếu

Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của Công ty: 0 cổ phiếu

Những khoản nợ đối với Công ty: Không có

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

14.1.3. Ông Nguyễn Quốc Thanh - Thành viên Hội đồng quản trị

Họ và tên: NGUYỄN QUỐC THANH

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 30/10/1964

Quốc tịch: Việt Nam

CMND số: 280879104 Ngày cấp: 30/10/2013 Nơi cấp: CA tỉnh Bình Dương

Địa chỉ thường trú: ấp Xóm Bưng, xã Thanh Tuyền, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương

Trình độ chuyên môn: Không có

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1989 – 1991	Công ty xuất nhập khẩu huyện Bến Cát, Bình Dương	Nhân viên
1992 – 2002	Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp	Nhân viên
2003 – 2007	Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Bình Dương	Nhân viên
2008 – 2009	Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị	Nhân viên
2010 – 7/2019	Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Bình Dương	Phó phòng TCHC, Trưởng phòng vật tư, Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc nhà máy sản xuất cao su dây thun
8/2019 – 2/2020	Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Bình Dương	Phó Tổng giám đốc

	Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Bình Dương ACC	
3/2020 – nay	Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Bình Dương	Phó Tổng giám đốc
28/6/2020 – nay	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP	Thành viên HĐQT

Chức vụ công tác hiện nay:

- ✓ Chức vụ tại Công ty: Thành viên Hội đồng quản trị
- ✓ Chức vụ tại tổ chức khác: - Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP;
- Phó TGD – Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Bình Dương.

Tổng số cổ phiếu nắm giữ: 0 cổ phiếu, trong đó:

- ✓ Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu
- ✓ Cá nhân sở hữu: 0 cổ phiếu

Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của Công ty: Công ty CP Kinh doanh và Đầu tư Bình Dương sở hữu 2.490.000 cổ phiếu ACC.

Những khoản nợ đối với Công ty: Không có

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

14.1.4. Ông Ngô Anh Quân – Thành viên Hội đồng quản trị

Họ và tên: **NGÔ ANH QUÂN**
 Giới tính: Nam
 Ngày tháng năm sinh: 30/12/1985
 Quốc tịch: Việt Nam
 CCCD số: 001085012679 Ngày cấp: 23/5/2016 Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
 Địa chỉ: 29A ngõ 29 Võng Thị, phường Bưởi, quận Tây Hồ, Hà Nội
 Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Công nghệ thông tin – Đại học Bách khoa Hà Nội
 Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
08/2008 – 05/2016	Công ty Tư vấn đầu tư phát triển và xây dựng Thiheco	Quản trị mạng
06/2016 – 01/2017	Công ty Cổ phần FINTEC	Quản lý Công nghệ thông tin
02/2017 – nay	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Hà Nội (HCI)	Quản lý Tổ chức – Nhân sự - Công nghệ thông tin
28/6/2020 - nay	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC	Thành viên Hội đồng quản trị
	Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền đông AHP	

Chức vụ công tác hiện nay:

- ✓ Chức vụ tại Công ty: Thành viên Hội đồng quản trị
- ✓ Chức vụ tại tổ chức khác: - Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP
- Quản lý Tổ chức – Nhân sự - Công nghệ thông tin tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Hà Nội (HCI)

Tổng số cổ phiếu nắm giữ: 0 cổ phiếu trong đó:

- ✓ Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu
- ✓ Cá nhân sở hữu: 0 cổ phiếu

Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của Công ty: 0 cổ phiếu

Những khoản nợ đối với Công ty: Không có

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

14.1.5. Ông Nguyễn Bảo Long – Thành viên Hội đồng quản trị

Họ và tên: **NGUYỄN BẢO LONG**
 Giới tính: Nam
 Ngày tháng năm sinh: 15/03/1996
 Quốc tịch: Việt Nam
 CMND số: 132321709 Ngày cấp: 02/7/2019 Nơi cấp: Công an Phú Thọ
 Địa chỉ: Khu 3 (phi nông nghiệp), xã Văn Lung, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ
 Trình độ chuyên môn: Quản lý kinh doanh

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
6/2018 – 11/2018	Công ty xuất khẩu lao động Nhật Bản Hinode Việt Nam	Nhân viên
1/2019 – 5/2019	Viettel Post chi nhánh Nguyễn Công Trứ - Hà Nội	Nhân viên
6/2019 – 8/2019	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hà Nội	Kiểm soát nội bộ
8/2019 – 02/2020	Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP	Nhân viên phòng QLTC
3/2020 – 08/7/2020	Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP	Phó TGD
09/7/2020 – nay	Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP	Tổng Giám đốc
3/2020 – 26/7/2020	Công ty Cổ phần Đá ốp lát An Bình	Tổng Giám đốc
27/7/2020 – nay	Công ty Cổ phần Đá ốp lát An Bình	Phó TGD
28/6/2020 - nay	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC	Thành viên HĐQT
	Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP	Thành viên HĐQT

Chức vụ công tác hiện nay:

- ✓ Chức vụ tại Công ty: Thành viên Hội đồng quản trị
- ✓ Chức vụ tại tổ chức khác: - Tổng Giám đốc – Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP;
- Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đá ốp lát An Bình.

Tổng số cổ phiếu nắm giữ: Không có

Những người liên quan nắm giữ cổ phiếu của Công ty: 0 cổ phiếu

Những khoản nợ đối với Công ty: Không có

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

14.2. Ban Tổng Giám đốc

Võ Thành Tài	Tổng Giám đốc
Nguyễn Xuân Cường	Phó Tổng Giám đốc
Phạm Huy Hậu	Phó Tổng Giám đốc tài chính
Phạm Hữu Nguyên	Phó Tổng Giám đốc

14.2.1. Ông Võ Thành Tài – Tổng Giám đốc

Họ và tên: **VÕ THÀNH TÀI**
 Giới tính: Nam
 Ngày tháng năm sinh: 12/02/1976
 Quốc tịch: Việt Nam
 CMND số: 280622797 Ngày cấp: 21/5/2019 Nơi cấp: Công an Bình Dương
 Địa chỉ thường trú: 460/33 Hồ Văn Cống, phường Trưng Bình Hiệp, Thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân vật lý
 Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2000 – 2002	Phòng công nghiệp giao thông xây dựng huyện Phú Giáo	Nhân viên
2002 – 6/2008	Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp	Nhân viên
6/2008 – 10/2015	Công ty Cổ phần Khoáng sản Becamex (Nay là Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP)	Phó Tổng Giám đốc
11/2015 – 2/2020	Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP	Tổng Giám đốc
2/2020 – 06/9/2020	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC	Phó Tổng Giám đốc thường trực

Từ 07/9/2020 đến nay	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC	Tổng Giám đốc
----------------------	---	---------------

Chức vụ công tác hiện nay:

- ✓ Chức vụ tại Công ty: Phó Tổng Giám đốc
- ✓ Chức vụ tại tổ chức khác: Không có

Tổng số cổ phiếu nắm giữ: 0 cổ phiếu, trong đó:

- ✓ Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu
- ✓ Cá nhân sở hữu: 0 cổ phiếu

Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của Công ty: 0 cổ phiếu

Những khoản nợ đối với Công ty: Không có

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

14.2.2. Ông Nguyễn Xuân Cường – Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên: NGUYỄN XUÂN CƯỜNG
 Giới tính: Nam
 Ngày tháng năm sinh: 15/02/1978
 Quốc tịch: Việt Nam
 CMND số: 024727557 Ngày cấp: 10/12/2012 Nơi cấp: CA TP. Hồ Chí Minh
 Địa chỉ thường trú: 56 Long Sơn, Long Bình, Quận 9, TP.HCM
 Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng cầu đường
 Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
5/2003 – 9/2006	Xí nghiệp Bê tông nhựa nóng	Nhân viên
10/2006 – 6/2007	Xí nghiệp Bê tông nhựa nóng	Phó Giám đốc
7/2007 – 6/2008	Xí nghiệp Sản xuất vật liệu xây dựng Becamex	Phó Giám đốc
7/2008 – 02/2020	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC	Phó Tổng Giám đốc – kiêm Trưởng phòng kỹ thuật xây dựng

2/2020 – nay	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC	Phó Tổng Giám đốc
--------------	---	-------------------

Chức vụ công tác hiện nay:

✓ Chức vụ tại Công ty: Phó Tổng Giám đốc

✓ Chức vụ tại tổ chức khác: Không có

Tổng số cổ phiếu nắm giữ: 24 cổ phiếu, trong đó:

✓ Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu

✓ Cá nhân sở hữu: 24 cổ phiếu

Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của Công ty: 0 cổ phiếu

Những khoản nợ đối với Công ty: Không có

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

14.2.3. Ông Phạm Huy Hậu – Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên: **PHẠM HUY HẬU**

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 12/12/1965

Quốc tịch: Việt Nam

CMND số: 385716866 Ngày cấp: 29/5/2013 Nơi cấp: CA Bạc Liêu

Địa chỉ thường trú: Khu phố Bình Thuận 2, phường Thuận Giao, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1987 – 1990	Công ty thủy sản đông lạnh Năm Căn, Cà Mau	Kế toán
1991 – 1996	Công ty xuất nhập khẩu thủy sản Minh Hải, Cà Mau	Kế toán
1997 – 2000	Cục Quản lý vốn Minh Hải	Cán bộ
2000 – 2001	Công ty Cổ phần XNK Thủy sản Tấn Vân, Cà Mau	Kế toán
2002 – 2005	Công ty TNHH Thương mại – Xây dựng và Kinh doanh nhà	Phó Tổng Giám đốc

	Nam Việt	
2005 – 2007	Công ty TNHH Bao bì Việt – thuộc Daso Group	Kế toán trưởng
2008 – 9/2009	Công ty liên doanh tư vấn thiết kế và kỹ thuật xây dựng M.E.I	Kế toán trưởng
09/2009 – nay	Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Bình Dương	Kế toán trưởng
14/5/2019 – nay	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC	Phó Tổng Giám đốc

Chức vụ công tác hiện nay:

- ✓ Chức vụ tại Công ty: Phó Tổng Giám đốc
- ✓ Chức vụ tại tổ chức khác: - Kế toán trưởng tại Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Bình Dương
- Thành viên BKS – Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP

Tổng số cổ phiếu nắm giữ: 0 cổ phiếu, trong đó:

- ✓ Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu
- ✓ Cá nhân sở hữu: 0 cổ phiếu

Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của Công ty: Công ty CP Kinh doanh và Đầu tư Bình Dương sở hữu 2.490.000 cổ phiếu ACC.

Những khoản nợ đối với Công ty: Không có

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

14.2.4. Ông Phạm Hữu Nguyên – Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên: **PHẠM HỮU NGUYỄN**
 Giới tính: Nam
 Ngày tháng năm sinh: 22/4/1979
 Quốc tịch: Việt Nam
 CMND số: 012028092 Ngày cấp: 30/06/2012 Nơi cấp: CA TP. Hà Nội
 Địa chỉ thường trú: Thôn Đông, Xuân Đình, quận Từ Liêm, TP Hà Nội
 Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng
 Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
01/2014 – 3/2017	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUDI	Kỹ sư xây dựng
4/2017 – 12/2017	Công ty Cổ phần Phát triển Xây dựng và Thương mại Việt Hàn	Nhân viên
02/2020 - nay	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC	Phó Tổng Giám đốc kiêm Trưởng phòng kỹ thuật xây dựng
	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Hà Nội	Trưởng phòng kế hoạch – kỹ thuật

Chức vụ công tác hiện nay:

✓ Chức vụ tại Công ty: Phó Tổng Giám đốc kiêm Trưởng phòng kỹ thuật xây dựng

✓ Chức vụ tại tổ chức khác: Không có

Tổng số cổ phiếu nắm giữ: 0 cổ phiếu, trong đó:

✓ Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu

✓ Cá nhân sở hữu: 0 cổ phiếu

Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của Công ty: 0 cổ phiếu

Những khoản nợ đối với Công ty: Không có

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

14.3. Kế toán trưởng

Họ và tên: NGUYỄN THỊ THÚY VÂN

Giới tính: Nữ

Ngày tháng năm sinh: 22/10/1978

CMND số: 280692782 Ngày cấp: 04/12/2010 Nơi cấp: CA Bình Dương

Địa chỉ thường trú: Ấp 6, phường Thới Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

Trình độ chuyên môn: Quản trị kinh doanh, Kế toán – Kiểm toán

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
4/2003 – 6/2008	Xí nghiệp Bê tông nhựa nóng	Kế toán

7/2008 – 2/2009	Công ty Cổ phần Bê tông Becamex (Nay là Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC)	Kế toán kiêm thành viên Ban kiểm soát
3/2009 – 2/2011	Công ty Cổ phần Bê tông Becamex (Nay là Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC)	Phụ trách phòng kinh doanh kiêm thành viên Ban Kiểm soát
3/2011 – 7/2015	Công ty Cổ phần Bê tông Becamex (Nay là Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC)	Kế toán trưởng
8/2015 – 5/2019	Công ty Cổ phần Bê tông Becamex (Nay là Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC)	Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng
5/2019 - nay	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC	Kế toán trưởng

Chức vụ công tác hiện nay:

- ✓ Chức vụ tại Công ty: Kế toán trưởng
- ✓ Chức vụ tại tổ chức khác: Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Bệnh viện Mỹ Phước

Tổng số cổ phiếu nắm giữ: 256 cổ phiếu, trong đó:

- ✓ Cá nhân sở hữu: 256 cổ phần, chiếm 0,00256% vốn điều lệ
- ✓ Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của Công ty: 0 cổ phiếu

Những khoản nợ đối với Công ty: Không có

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

14.4. Ban Kiểm soát

Hoàng Văn Anh	Trưởng Ban Kiểm soát
Lê Thị Tươi	Thành viên Ban Kiểm soát
Nguyễn Thanh Hữu	Thành viên Ban Kiểm soát

14.4.1. Ông Hoàng Văn Anh – Trưởng Ban Kiểm soát

Họ và tên: **HOÀNG VĂN ANH**
 Giới tính: Nam
 Ngày tháng năm sinh: 28/02/1981
 CMND số: 101256180 Ngày cấp: 03/3/2012
 Nơi cấp: CA tỉnh Quảng Ninh
 Địa chỉ thường trú: Số 2044, Tòa nhà CT12B, khu đô thị Kim Văn - Kim Lũ, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, Tp Hà Nội
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán tài chính

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2004 - 2006	Công ty xây dựng số 18 (LICOGI18)	Kế toán viên
2006 - 2015	Công ty cổ phần du lịch ASEAN Hạ Long	Kế toán trưởng
2015 – nay	Công ty Đầu tư và Xây dựng Hà Nội	Phó Tổng giám đốc
02/4/2019 – 31/8/2019	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC	Thành viên Ban Kiểm soát
	Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền đông AHP	Thành viên Ban Kiểm soát
12/9/2019 – nay	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC	Trưởng Ban Kiểm soát
	Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền đông AHP	

Chức vụ công tác hiện nay:

- ✓ Chức vụ tại Công ty: Trưởng Ban Kiểm soát
- ✓ Chức vụ tại tổ chức khác: Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP.
Phó Tổng Giám Đốc Công ty Đầu tư và Xây dựng Hà Nội

Tổng số cổ phiếu nắm giữ: 0 cổ phiếu.

Những khoản nợ đối với Công ty: Không có

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

14.4.2. Bà Lê Thị Tươi – Thành viên Ban Kiểm soát

Họ và tên: **LÊ THỊ TƯƠI**
 Giới tính: Nữ
 Ngày tháng năm sinh: 06/12/1991
 CMND số: 151839887 Ngày cấp: 28/3/2006
 Nơi cấp: CA tỉnh Thái Bình
 Địa chỉ thường trú: Xóm 9, xã Đồng Phú, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế - chuyên ngành kiểm toán
 Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
-----------	-----------------	---------

2013 - 2015	Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn tài chính quốc tế	Trợ lý kiểm toán
2015 - 2019	Công ty Cổ phần Hợp tác Đầu tư và phát triển	Chuyên viên tài chính
2019 - nay	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Hà Nội	Phó Phòng Tài chính Kế toán
30/8/2019 – nay	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC	Thành viên Ban Kiểm soát
	Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền đông AHP	

Chức vụ công tác hiện nay:

- ✓ Chức vụ tại Công ty: Thành viên Ban Kiểm soát
- ✓ Chức vụ tại tổ chức khác: Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP
Phó phòng Tài chính kế toán Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Hà Nội

Tổng số cổ phiếu nắm giữ: 0 cổ phiếu, trong đó:

Những khoản nợ đối với Công ty: Không có

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

14.4.3. Ông Nguyễn Thanh Hữu – Thành viên Ban Kiểm soát

Họ và tên: NGUYỄN THANH HỮU

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 01/11/1985

CMND số: 280887117 Ngày cấp: 22/11/2010

Nơi cấp: CA tỉnh Bình Dương

Địa chỉ thường trú: Khu phố 1, phường Chánh Phú Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
01/2007- 6/2016	Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng Tổng hợp Bình Dương	Nhân viên kế toán
6/2016 - 6/2017	Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng	Kế toán trưởng

	Thương mại Nam Hưng	
4/2018 - 01/2019	Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Bình Dương (ITC)	Nhân viên kế toán
02/2019 - 01/2020	Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã Bến Cát	Nhân viên đền bù
02/2020 - 3/2020	Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Bình Dương (ITC)	Nhân viên kế toán
3/2020 đến nay	Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP	Trưởng phòng Quản lý tài chính - Kế toán trưởng

Chức vụ công tác hiện nay:

- ✓ Chức vụ tại Công ty: Thành viên Ban Kiểm soát
- ✓ Chức vụ tại tổ chức khác: Trưởng phòng Quản lý tài chính - Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP

Tổng số cổ phiếu nắm giữ: 0 cổ phiếu, trong đó:

Những khoản nợ đối với Công ty: Không có

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

15. Tài sản

Tại thời điểm 31/12/2018, tình hình tài sản của Công ty được chi tiết trong báo cáo tài chính của công ty mẹ đã kiểm toán như sau:

Đơn vị: triệu đồng

STT	Khoản mục	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
I	Tài sản cố định hữu hình	112.519	98.104	14.415
1	Nhà cửa vật kiến trúc	11.630	10.072	1.558
2	Máy móc thiết bị	62.895	57.913	4.982
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	35.940	28.245	7.695
4	Thiết bị dụng cụ, quản lý	1.710	1.580	130
5	Khác	344	294	50
II	Tài sản cố định thuê tài chính	-	-	-
III	Tài sản cố định vô hình	13.340	4.040	9.300
Cộng		125.859	102.144	23.715

(Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán năm 2018 của Công ty)

Tại thời điểm 31/12/2018, tình hình tài sản của Công ty được chi tiết trong báo cáo tài chính hợp

nhất đã kiểm toán như sau:

Đơn vị: triệu đồng

STT	Khoản mục	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
I	Tài sản cố định hữu hình	185.286	159.339	25.947
1	Nhà cửa vật kiến trúc	24.065	19.100	4.965
2	Máy móc thiết bị	104.593	93.906	10.687
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	54.507	44.393	10.114
4	Thiết bị dụng cụ, quản lý	1.777	1.647	130
5	Khác	344	294	50
II	Tài sản cố định thuê tài chính	-	-	-
III	Tài sản cố định vô hình	23.615	14.205	9.410
Cộng		208.901	173.544	35.357

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2018 của Công ty)

Tại thời điểm 31/12/2019, tình hình tài sản của Công ty được chi tiết trong báo cáo tài chính của công ty mẹ đã kiểm toán như sau:

Đơn vị: triệu đồng

STT	Khoản mục	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
I	Tài sản cố định hữu hình	104.834	93.990	10.844
1	Nhà cửa vật kiến trúc	11.630	10.697	0.933
2	Máy móc thiết bị	63.082	58.932	4.15
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	28.951	23.261	5.69
4	Thiết bị dụng cụ, quản lý	827	788	39
5	Khác	343	310	33
II	Tài sản cố định thuê tài chính	-	-	-
III	Tài sản cố định vô hình	13.444	4.447	8.997
Cộng		118.278	98.437	19.841

(Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán năm 2019 của Công ty)

Tại thời điểm 31/12/2019, tình hình tài sản của Công ty được chi tiết trong báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán như sau:

Đơn vị: triệu đồng

STT	Khoản mục	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
I	Tài sản cố định hữu hình	175.135	154.079	21.056
1	Nhà cửa vật kiến trúc	24.065	20.859	3.206
2	Máy móc thiết bị	105.640	96.140	9.500

STT	Khoản mục	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	44.077	35.890	8.187
4	Thiết bị dụng cụ, quản lý	1.009	880	129
5	Khác	344	310	34
II	Tài sản cố định thuê tài chính	-	-	-
III	Tài sản cố định vô hình	57.616	5.733	51.883
Cộng		232.751	159.812	72.939

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2019 của Công ty)

Tại thời điểm 30/09/2020, tình hình tài sản của công ty được chi tiết trong báo cáo tài chính riêng Quý 3/2020 như sau:

STT	Khoản mục	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
I	Tài sản cố định hữu hình	107.462	96.646	10.816
1	Nhà cửa vật kiến trúc	11.630	11.153	477
2	Máy móc thiết bị	63.236	59.702	3.534
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	31.425	24.655	6.770
4	Thiết bị dụng cụ, quản lý	827	813	14
5	Khác	344	323	21
II	Tài sản cố định thuê tài chính	-	-	-
III	Tài sản cố định vô hình	13.443	4.732	8.711
Cộng		120.905	101.378	19.527

(Nguồn: BCTC riêng Quý 3/2020 của Công ty)

Tại thời điểm 30/09/2020, tình hình tài sản của công ty được chi tiết trong báo cáo tài chính hợp nhất Quý 3/2020 năm như sau:

Đơn vị: triệu đồng

STT	Khoản mục	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
I	Tài sản cố định hữu hình	173.769	149.241	24.528
1	Nhà cửa vật kiến trúc	23.913	21.746	2.167
2	Máy móc thiết bị	99.742	89.661	10.081
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	48.761	36.576	12.185
4	Thiết bị dụng cụ, quản lý	1.009	935	74
5	Khác	344	323	21
II	Tài sản cố định thuê tài chính	-	-	-
III	Tài sản cố định vô hình	57.616	7.317	50.299
Cộng		231.385	156.558	74.827

(Nguồn: BCTC hợp nhất Quý 3/2020 của Công ty)

16. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức cho năm 2020

16.1. Kế hoạch kinh doanh

Bảng 35. Kế hoạch kinh doanh công ty mẹ năm 2020

Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2019	Kế hoạch năm 2020	% KH/TH
Tổng doanh thu (Bao gồm doanh thu thuần, doanh thu hoạt động tài chính, doanh thu khác)	Triệu đồng	412.897	595.107	144,13%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	38.961	48.048	123,32%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng doanh thu	%	9,43%	8,07%	-
Vốn điều lệ	Triệu đồng	100.000	300.000	300,00%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	38,96%	16,01%	-
Tỷ lệ cổ tức	%/Mệnh giá	5%	≥5%	-

(Nguồn: Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/06/2020 của ACC)

Bảng 36. Kế hoạch kinh doanh hợp nhất năm 2020

Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2019	Kế hoạch năm 2020	% KH/TH
Tổng doanh thu (Bao gồm doanh thu thuần, doanh thu hoạt động tài chính, doanh thu khác)	Triệu đồng	482.115	700.126	145,22%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	45.863	65.878	143,64%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng doanh thu	%	9,51%	9,4%	-
Vốn điều lệ	Triệu đồng	100.000	300.000	300,00%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	45,86%	21,95%	-
Tỷ lệ cổ tức	%/Mệnh giá	5%	≥5%	-

(Nguồn: Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/06/2020 của ACC)

16.2. Căn cứ thực hiện kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

- Căn cứ thực hiện kế hoạch Lợi nhuận, cổ tức năm 2020

- ✓ Dựa trên cơ sở các hợp đồng nguyên tắc (đầu vào – đầu ra) Công ty đã ký với khách hàng;
- ✓ Trên cơ sở giá trị giao dịch và tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm;

✓ Căn cứ vào lộ trình sản xuất kinh doanh đưa ra năm 2020.

- **Các giải pháp:**

✓ Tiếp tục giữ vững và mở rộng thị trường kinh doanh truyền thống, tiếp cận các dự án, công trình của các chủ đầu tư trong và ngoài tỉnh; nâng cao uy tín thương hiệu thông qua việc nâng cao chất lượng sản phẩm.

✓ Nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động sản xuất và thi công tại các công trường thông qua việc kiểm soát chất lượng nguyên vật liệu đầu vào, các định mức, nhân công, ca máy....

✓ Nắm bắt cơ hội phát triển các ngành nghề kinh doanh khác bên cạnh các ngành nghề truyền thống; nắm bắt thông tin thị trường và đánh giá đúng tình hình thực tiễn của Công ty để đưa ra các biện pháp điều hành kịp thời, linh hoạt, phù hợp với định hướng, chỉ đạo của Hội đồng quản trị.

✓ Phát huy lợi thế từ nguồn nhân lực nhiều kinh nghiệm, không ngừng bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý cho cán bộ điều hành, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tay nghề cho người lao động. Đưa ra những chính sách khen thưởng, chế độ phúc lợi thích hợp để kịp thời khuyến khích người lao động có thành tích tốt trong công việc gắn bó đồng hành cùng Công ty.

✓ Chú trọng công tác an toàn lao động, giám sát về phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường trong quá trình từ sản xuất đến thi công, từ nhà máy đến công trường.

17. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Là đơn vị tư vấn tài chính chuyên biệt, Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt – Chi nhánh Hà Nội đã thu thập các thông tin, tiến hành nghiên cứu phân tích và đánh giá về hoạt động của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC.

Chúng tôi nhận thấy kế hoạch kinh doanh của Công ty đặt ra trên cơ sở thận trọng dựa vào đánh giá tình hình kinh tế, năng lực sản xuất và kinh nghiệm của bộ máy điều hành. Công ty đã tích cực trong việc đẩy mạnh doanh thu, tiết kiệm chi phí sản xuất kinh doanh và quản lý. Công ty đã có những chiến lược, định hướng phù hợp với tình hình hiện tại trong năm 2020. Nếu không có những biến động bất thường và bất khả kháng tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty thì kế hoạch lợi nhuận mà Công ty đưa ra là có tính khả thi.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của tổ chức tư vấn, dựa trên cơ sở các thông tin do Công ty cung cấp, thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính và chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của số liệu được dự báo. Những đánh giá trên đây của tổ chức tư vấn về kế hoạch doanh thu, lợi nhuận của Công ty chỉ có ý nghĩa tham khảo cho nhà đầu tư.

18. Thời gian dự kiến đưa cổ phiếu vào giao dịch trên thị trường có tổ chức

Ngay sau khi hoàn tất đợt chào bán, Công ty sẽ tiến hành các thủ tục để đăng ký chứng khoán và niêm yết bổ sung trong ứng với số cổ phiếu tăng thêm theo đúng quy định. Thời gian dự kiến niêm yết bổ sung trong vòng (30) ngày kể từ ngày kết thúc chào bán.

19. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty

Không có.

20. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu chào bán

Không có

V CỔ PHIẾU CHÀO BÁN RA CÔNG CHÚNG

1. Loại cổ phiếu

Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông.

2. Mệnh giá

Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu.

3. Tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán

Tổng số cổ phiếu chào bán: **20.000.000** (Hai mươi triệu) cổ phiếu.

4. Đối tượng chào bán

Chào bán cho cổ đông hiện hữu với tỉ lệ thực hiện quyền là 1:2 (Tại ngày chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu được 02 quyền mua cổ phiếu phát hành thêm. Cổ đông có 01 quyền mua sẽ được mua 01 cổ phiếu phát hành thêm).

5. Giá chào bán

Giá chào bán: 10.000 đồng/cổ phiếu

6. Phương pháp tính giá

Tại thời điểm 31/12/2019:

$$\begin{aligned} \text{Giá trị sổ sách} &= \frac{\text{Nguồn vốn chủ sở hữu}}{\text{Tổng số cổ phần đã phát hành} - \text{Cổ phiếu quỹ}} \\ &= \frac{248.582.839.502}{10.000.000} = 24.858 \text{ đồng} \end{aligned}$$

Trong khoảng thời gian từ 12/06/2020 đến 20/08/2020 trên sàn giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh, cổ phiếu ACC có giá đóng cửa bình quân là 16.911 đồng/50 phiên giao dịch (số liệu tại website: www.hsx.vn)

Căn cứ vào Điều 125 Luật Doanh nghiệp: “Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá bán cổ phần. Giá bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp sau đây:

1. Cổ phần chào bán lần đầu tiên cho những người không phải là cổ đông sáng lập;
2. Cổ phần chào bán cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ ở công ty;

.....”

Giá chào bán cho cổ đông hiện hữu đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 số 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/6/2020 là 10.000 đồng/cổ phiếu.

7. Phương thức phân phối cổ phiếu

Cổ phiếu được phân phối thông qua phương thức thực hiện quyền. Tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua, cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu được 02 quyền mua cổ phần phát hành thêm. Cổ đông có 01 quyền mua sẽ được mua 01 cổ phần phát hành thêm. Đợt phát hành cổ phiếu không làm phát sinh cổ phiếu lẻ.

- Đối với cổ đông đã lưu ký: Công ty phối hợp Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam phân phối và thông báo quyền mua tới các cổ đông thông qua các công ty chứng khoán – thành viên lưu ký của VSD.

- Đối với cổ đông chưa lưu ký: Cổ phiếu được thực hiện quyền tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC.

8. Thời gian phân phối cổ phiếu

Thời gian phân phối cổ phiếu được thực hiện sau khi UBCKNN cấp Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng nhưng không được vượt quá 90 ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng có hiệu lực.

Bảng 37. Lịch trình phân phối cổ phiếu

STT	Công việc	Thời gian
1	Nhận Giấy phép phát hành của UBCKNN	Ngày T
2	Công bố việc phát hành trên các phương tiện thông tin đại chúng	T + 7
3	Gửi hồ sơ thông báo thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm	T + 8 – T + 10
4	Nhận danh sách tổng hợp người sở hữu được phân bổ quyền mua cổ phiếu	T + 14 – T + 17
5	Cổ đông nhận thông báo về việc sở hữu quyền mua cổ phiếu	T + 20 – T + 22
6	Cổ đông đăng ký, nộp tiền mua cổ phần	T + 21 – T + 42
7	Chuyển nhượng quyền mua cổ phần	T + 21 – T + 37
8	VSD gửi danh sách tổng hợp nhà đầu tư đăng ký mua cổ phiếu phát hành thêm	T + 50 – T + 52
9	HDQT phân phối số cổ phần không bán hết (dự kiến khoảng 02 tuần)	T + 53 – T + 70
10	Báo cáo kết quả phát hành	T + 71 – T + 73
11	Nộp hồ sơ đăng ký niêm yết bổ sung và đăng ký lưu ký chứng khoán	T + 75 – T + 90
12	Cổ phiếu phát hành thêm chính thức giao dịch	T + 91 – T + 100

(T- Ngày làm việc dự kiến)

9. Đăng ký mua cổ phiếu

- Thực hiện nhận đăng ký mua cổ phiếu: Trong vòng 20 ngày làm việc kể từ ngày ra thông báo chính thức trên các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định.
- Thời hạn nhận đăng ký: Công ty sẽ công bố chính thức thời hạn đăng ký mua khi Công ty được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận chào bán chứng khoán ra công chúng.
- Số lượng cổ phiếu đăng ký mua: Là số lượng cổ phiếu được quyền mua theo tỉ lệ đã công bố hoặc/ và số lượng cổ phiếu từ việc nhận chuyển nhượng quyền mua hoặc/ và số cổ phiếu không bán hết được HĐQT quyết định phân phối tiếp.
- Phương thức thanh toán:
 - ✓ Với cổ đông đã lưu ký: nộp tiền mặt hoặc chuyển khoản vào tài khoản của CTCK nơi cổ đông mở tài khoản.
 - ✓ Với cổ đông chưa lưu ký: nộp tiền mặt hoặc chuyển khoản vào tài khoản phong toả nhận tiền mua cổ phiếu quy định tại Bản cáo bạch này.
- Chuyển giao cổ phiếu: Toàn bộ số lượng cổ phần phát hành cho cổ đông hiện hữu sau khi thực hiện báo cáo kết quả chào bán cho UBCKNN sẽ được đăng ký niêm yết bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh và đăng ký chứng khoán bổ sung tại VSD.
- Quyền lợi người mua cổ phiếu: Cổ phiếu phát hành trong đợt chào bán này là cổ phiếu phổ thông, không bị hạn chế chuyển nhượng (trừ cổ phiếu còn dư do cổ đông không thực hiện quyền mua (nếu có)) và có đầy đủ các quyền của cổ phiếu phổ thông được quy định trong Điều lệ của Công ty và các văn bản pháp luật liên quan.

10. Phương thức thực hiện quyền

- Điều kiện thực hiện quyền:
 - ✓ Tại ngày chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 01 cổ phần được 02 quyền mua cổ phần phát hành thêm. Cổ đông có 01 quyền mua sẽ được mua 01 cổ phần phát hành thêm.
 - ✓ Cổ đông sở hữu quyền mua cổ phần được phép chuyển nhượng quyền mua của mình 01 lần duy nhất cho một hoặc nhiều người khác. Bên nhận chuyển nhượng không được tiếp tục chuyển nhượng cho bên thứ ba.
- Chuyển nhượng quyền mua: Trong thời hạn 20 ngày để đăng ký mua, cổ đông sở hữu quyền mua được phép chuyển nhượng quyền nếu có nhu cầu, việc chuyển nhượng quyền mua kết thúc trước 02 ngày làm việc so thời hạn cuối cùng đăng ký thực hiện quyền.
 - ✓ Đối với cổ đông đã lưu ký:
 - Cổ đông tự tìm đối tác, trực tiếp thỏa thuận việc chuyển nhượng và thực hiện tại CTCK nơi cổ đông mở tài khoản giao dịch với thủ tục cụ thể như sau:
 - Việc chuyển nhượng quyền mua được thực hiện tại CTCK bên chuyển nhượng mở tài khoản lưu ký. CTCK bên chuyển nhượng chịu trách nhiệm kiểm tra tính chính xác về thông tin chuyển nhượng quyền mua của các bên. Trường hợp bên nhận chuyển nhượng chưa mở tài khoản thì phải mở tài khoản tại một CTCK.
 - Việc xác nhận chuyển nhượng quyền mua giữa các cổ đông do VSD thực hiện.

Trong vòng 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu chuyển nhượng quyền mua chứng khoán, CTCK bên chuyển nhượng phải nhập giao dịch chuyển nhượng quyền mua qua cổng giao tiếp điện tử và gửi đến VSD các chứng từ sau: Giấy đề nghị chuyển nhượng quyền mua chứng khoán; Tài liệu chứng minh đã công bố thông tin tại trang web của Sở giao dịch chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh (nếu có) về việc chuyển nhượng quyền mua của các đối tượng thuộc diện phải công bố thông tin theo quy định; Tài liệu liên quan khác (nếu có).

Trong vòng 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ chuyển nhượng quyền mua đầy đủ và hợp lệ, VSD xác nhận vào Giấy đề nghị chuyển nhượng quyền mua chứng khoán và gửi cho CTCK liên quan.

✓ Đối với cổ đông chưa lưu ký:

Cổ đông thực hiện thủ tục chuyển nhượng quyền mua tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC – Địa chỉ: Lô D_3_CN, Đường N7, KCN Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

- Các điều khoản có liên quan:

✓ Cổ đông sở hữu quyền mua có quyền từ chối mua toàn bộ hoặc một phần số lượng cổ phiếu phát hành theo quyền mua trong thời gian thực hiện quyền.

✓ Kết thúc thời gian thực hiện quyền, nếu quyền mua không được thực hiện, tất cả các quyền lợi liên quan đến quyền mua sẽ đương nhiên chấm dứt và tổ chức phát hành không phải thanh toán cho người sở hữu quyền bất cứ một khoản phí nào.

✓ Người sở hữu quyền mua được bán, cho, tặng toàn bộ hoặc một phần số lượng quyền mua nắm giữ trong thời hạn có hiệu lực, nhưng phải thực hiện thủ tục chuyển nhượng cho người nhận chuyển nhượng theo quy định về chuyển nhượng quyền.

- Phương án xử lý cổ phiếu không phân phối hết (nếu có): Hội đồng quản trị Công ty xử lý theo hướng phân phối cho các nhà đầu tư và/hoặc cổ đông quan tâm với giá có thể thấp hơn giá trị sổ sách của cổ phiếu tại thời điểm chào bán nhưng không thấp hơn giá phát hành cho cổ đông hiện hữu, trường hợp vẫn không bán hết thì tăng vốn điều lệ theo số cổ phiếu thực tế phát hành. Số cổ phiếu chào bán nêu trên bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán.

11. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng

Quyền mua của cổ đông ACC được chuyển nhượng 01 (một) lần. Bên nhận chuyển nhượng không được tiếp tục chuyển nhượng cho người khác.

Số lượng cổ phiếu ACC chào bán cho cổ đông hiện hữu trong đợt chào bán này là cổ phiếu phổ thông không bị hạn chế chuyển nhượng kể từ ngày hoàn tất việc phân phối.

Số lượng cổ phiếu chưa phân phối hết được ủy quyền cho Hội đồng quản trị xử lý theo hướng phân phối cho các nhà đầu tư và/hoặc cổ đông quan tâm. Số cổ phiếu chào bán này bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán theo quy định của pháp luật.

12. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Tỷ lệ nắm giữ cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài được tuân theo Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 của Chính phủ, trong đó quy định tỷ lệ sở hữu nhà đầu tư nước ngoài tại công ty đại chúng được quy định như sau:

- Theo tỷ lệ sở hữu nước ngoài quy định tại điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên;

- Theo quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh mà pháp luật về đầu tư, pháp luật liên quan có quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài.

- Công ty đại chúng hoạt động đa ngành, nghề, có quy định khác nhau về tỷ lệ sở hữu nước ngoài, thì tỷ lệ sở hữu nước ngoài không vượt quá mức thấp nhất trong các ngành, nghề (mà công ty đó hoạt động) có quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài, trừ trường hợp điều lệ quốc tế có quy định khác.

Theo quy định của Nghị định 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 của Chính phủ, tỷ lệ sở hữu tối đa của nhà đầu tư nước ngoài là tỷ lệ sở hữu thấp nhất quy định cho ngành nghề đăng ký kinh doanh có quy định tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài.

Theo thông tin được đăng tải trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia về ngành nghề kinh doanh của Công ty và danh mục điều kiện đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài trên Cổng thông tin quốc gia về đầu tư nước ngoài (<https://dautunuoengoi.gov.vn>) và một số văn bản pháp luật liên quan khác, Công ty xin thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài bị hạn chế tại Công ty cụ thể như sau:

STT	Ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh	Mã ngành	Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại các ngành nghề đầu tư, kinh doanh có điều kiện (theo quy định pháp luật liên quan)	Tỷ lệ sở hữu theo cam kết quốc tế (cụ thể Hiệp định quốc tế)	Tỷ lệ sở hữu nước ngoài theo quyết định của cấp có thẩm quyền (áp dụng đối với DNNN thực hiện cổ phần hóa)	Tỷ lệ sở hữu theo Điều lệ công ty (áp dụng đối với công ty không bị hạn chế tỷ lệ sở hữu nước ngoài)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng chi tiết: mua bán cốt thép theo các loại, bê tông xi măng, nhựa các loại; cấu kiện đúc sẵn; các loại vật liệu xây dựng; các cấu kiện kim loại, các sản phẩm cơ khí - Bán buôn gạch bê tông, gạch tự chèn, gạch block; gạch trống có; gạch terrazzo (trừ hoạt động bên thủy nội địa)	4663	Không quy định	Không quy định	Không quy định	Không quy định

STT	Ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh	Mã ngành	Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại các ngành nghề đầu tư, kinh doanh có điều kiện (theo quy định pháp luật liên quan)	Tỷ lệ sở hữu theo cam kết quốc tế (cụ thể Hiệp định quốc tế)	Tỷ lệ sở hữu nước ngoài theo quyết định của cấp có thẩm quyền (áp dụng đối với DNNN thực hiện cổ phần hóa)	Tỷ lệ sở hữu theo Điều lệ công ty (áp dụng đối với công ty không bị hạn chế tỷ lệ sở hữu nước ngoài)
2	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659	0%	Không quy định	Không quy định	Không quy định
3	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chi tiết: Mua bán mặt hàng trang trí nội thất	4649	Không quy định	Không quy định	Không quy định	Không quy định
4	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329	49%	Không quy định	Không quy định	Không quy định
5	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu chi tiết: - Mua bán hóa chất công nghiệp và phụ gia bê tông xi măng (trừ hóa chất bảng I theo Công ước quốc tế) - Bán buôn các loại khoáng sản phi kim loại như: đá, đất sét, cát, cao lanh, than bùn - Bán buôn phế liệu: phế thải kim loại, phi kim loại (không chứa, phân loại, xử lý phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại tại trụ sở chính)	4669	0%	Không quy định	Không quy định	Không quy định
6	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ mua bán vàng miếng).	4662	0%	Không quy định	Không quy định	Không quy định
7	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392	0%	Không quy định	Không quy định	Không quy định
8	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công	7490	Không quy định	100% (WTO,	Không quy định	Không quy định

STT	Ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh	Mã ngành	Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại các ngành nghề đầu tư, kinh doanh có điều kiện (theo quy định pháp luật liên quan)	Tỷ lệ sở hữu theo cam kết quốc tế (cụ thể Hiệp định quốc tế)	Tỷ lệ sở hữu nước ngoài theo quyết định của cấp có thẩm quyền (áp dụng đối với DNNN thực hiện cổ phần hóa)	Tỷ lệ sở hữu theo Điều lệ công ty (áp dụng đối với công ty không bị hạn chế tỷ lệ sở hữu nước ngoài)
	nghe khác chưa được phân vào đâu			AFAS, FTAs)		
9	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê chi tiết: Đầu tư và kinh doanh bất động sản (thực hiện theo quy định của tỉnh)	6	49%	Không quy định	Không quy định	Không quy định
10	Lắp đặt hệ thống điện	4321	Không quy định	Không quy định	Không quy định	Không quy định
11	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110	Không quy định	100% (WTO, AFAS, FTAs, VKFTA)	Không quy định	Không quy định
12	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810	100%	Không quy định	Không quy định	Không quy định
13	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511	100%	Không quy định	Không quy định	Không quy định
14	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác (trừ xử lý, tráng phủ, xi mạ kim loại)	4520	Không quy định	100% (WTO, AFAS, FTAs, VKFTA)	Không quy định	Không quy định
15	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: đại lý mua bán, kỳ gửi hàng hóa. Môi giới hàng hóa (trừ môi giới bất động sản)	4610	0%	Không quy định	Không quy định	Không quy định
16	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: Xây dựng nền	4390	Không quy định	Không quy định	Không quy định	Không quy định

STT	Ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh	Mã ngành	Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại các ngành nghề đầu tư, kinh doanh có điều kiện (theo quy định pháp luật liên quan)	Tỷ lệ sở hữu theo cam kết quốc tế (cụ thể Hiệp định quốc tế)	Tỷ lệ sở hữu nước ngoài theo quyết định của cấp có thẩm quyền (áp dụng đối với DNNN thực hiện cổ phần hóa)	Tỷ lệ sở hữu theo Điều lệ công ty (áp dụng đối với công ty không bị hạn chế tỷ lệ sở hữu nước ngoài)
	móng, đóng cọc, ép cọc; Thi công cấu kiện đúc sẵn; Dịch vụ cầu lắp.					
17	Sửa chữa máy móc (trừ xử lý, tráng phủ, xi mạ kim loại)	3312	Không quy định	100% (WTO, AFAS, FTAs, VKFTA)	Không quy định	Không quy định
18	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan Chi tiết: Trồng cây đô thị	8130	Không quy định	Không quy định (WTO, FTAs) 100% (AFAS)	Không quy định	Không quy định
19	Phá dỡ	4311	Không quy định	Không quy định	Không quy định	Không quy định
20	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511	Không quy định	Không quy định	Không quy định	Không quy định
21	Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại	2592	Không quy định	Không quy định	Không quy định	Không quy định
22	Chuẩn bị mặt bằng Chi tiết: san lấp mặt bằng	4312	Không quy định	Không quy định	Không quy định	Không quy định
23	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933	51%	49% (WTO, FTAs) 70% (AFAS)	Không quy định	Không quy định
24	Cắt tạo đá và hoàn thiện đá Chi tiết: Cắt và hoàn thiện đá xây dựng	2396	Không quy định	Không quy định	Không quy định	Không quy định
25	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (trừ than đá, phế liệu, hóa chất)	5210	Không quy định	100% (WTO, FTAs, AFAS)	Không quy định	Không quy định
26	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225	Không quy định	100% (WTO, FTAs, AFAS)	Không quy định	Không quy định

STT	Ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh	Mã ngành	Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại các ngành nghề đầu tư, kinh doanh có điều kiện (theo quy định pháp luật liên quan)	Tỷ lệ sở hữu theo cam kết quốc tế (cụ thể Hiệp định quốc tế)	Tỷ lệ sở hữu nước ngoài theo quyết định của cấp có thẩm quyền (áp dụng đối với DNNN thực hiện cổ phần hóa)	Tỷ lệ sở hữu theo Điều lệ công ty (áp dụng đối với công ty không bị hạn chế tỷ lệ sở hữu nước ngoài)
				VKFTA)		
27	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221	Không quy định	100% (WTO, FTAs, 51% (AFAS)	Không quy định	Không quy định
28	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Sàn giao dịch bất động sản (trừ định giá bất động sản)	6820	Không quy định	Không quy định	Không quy định	Không quy định
29	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (Chính) Chi tiết: Xây dựng dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật	4299	Không quy định	Không quy định	Không quy định	Không quy định
30	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320	Không quy định	Không quy định	Không quy định	Không quy định
31	Bốc xếp hàng hóa (Trừ bốc xếp hàng không)	5224	Không quy định	Không quy định (WTO, FTAs) AFAS (container: 50%; đường sắt: 70%; đường biển: 49%)	Không quy định	Không quy định
32	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác	0990	Không quy định	100% (WTO, FTAs) Không quy định (AFAS, VKFTA)	Không quy định	Không quy định
33	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương	5011	Không quy định	49% (WTO, FTAs, AFAS)	Không quy định	Không quy định

STT	Ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh	Mã ngành	Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại các ngành nghề đầu tư, kinh doanh có điều kiện (theo quy định pháp luật liên quan)	Tỷ lệ sở hữu theo cam kết quốc tế (cụ thể Hiệp định quốc tế)	Tỷ lệ sở hữu nước ngoài theo quyết định của cấp có thẩm quyền (áp dụng đối với DNNN thực hiện cổ phần hóa)	Tỷ lệ sở hữu theo Điều lệ công ty (áp dụng đối với công ty không bị hạn chế tỷ lệ sở hữu nước ngoài)
34	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012	Không quy định	100% (WTO, FTAs, AFAS)	Không quy định	Không quy định
35	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021	Không quy định	49% đối với nhà đầu tư nước ngoài không thuộc ASEAN 51% đối với nhà đầu tư nước ngoài thuộc ASEAN	Không quy định	Không quy định
36	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022	Không quy định	49% đối với nhà đầu tư nước ngoài không thuộc ASEAN 51% đối với nhà đầu tư nước ngoài thuộc ASEAN	Không quy định	Không quy định
37	Bán lẻ đồ ngũ kim sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ hoạt động bãi cát)	4752	Không quy định	Không quy định	Không quy định	Không quy định
38	Sản xuất khai thác mỏ và xây dựng	2824	Không quy định	100% (WTO, FTAs) Không quy định (AFAS, VKFTA)	Không quy định	Không quy định
39	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác	2930	Không quy định	Không quy định	Không quy định	Không quy định
40	Sản xuất sản phẩm từ	2399	Không quy	Không quy định	Không quy định	Không quy định

STT	Ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh	Mã ngành	Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại các ngành nghề đầu tư, kinh doanh có điều kiện (theo quy định pháp luật liên quan)	Tỷ lệ sở hữu theo cam kết quốc tế (cụ thể Hiệp định quốc tế)	Tỷ lệ sở hữu nước ngoài theo quyết định của cấp có thẩm quyền (áp dụng đối với DNNN thực hiện cổ phần hóa)	Tỷ lệ sở hữu theo Điều lệ công ty (áp dụng đối với công ty không bị hạn chế tỷ lệ sở hữu nước ngoài)
	chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào dầu Chi tiết: sản xuất các sản phẩm từ nhựa đường và nguyên liệu		định			
41	Xây dựng công trình đường sắt	4211	Không quy định	Không quy định	Không quy định	Không quy định
42	Xây dựng công trình đường bộ	4212	Không quy định	Không quy định	Không quy định	Không quy định
43	Xây dựng nhà để ở	4101	Không quy định	Không quy định	Không quy định	Không quy định
44	Xây dựng nhà không để ở	4102	Không quy định	Không quy định	Không quy định	Không quy định
45	Xây dựng công trình điện	4221	Không quy định	Không quy định	Không quy định	Không quy định
46	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222	Không quy định	Không quy định	Không quy định	Không quy định
47	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223	Không quy định	Không quy định	Không quy định	Không quy định
48	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao Chi tiết: Sản xuất công bê tông cốt thép các loại. Sản xuất bê tông nhựa các loại. Sản xuất bê tông xi măng các loại. Sản xuất cấu kiện đúc sẵn; Sản xuất gạch không nung; Sản xuất gạch bê tông, gạch tự chèn, gạch block, gạch	2395	0%	Không quy định	Không quy định	Không quy định

STT	Ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh	Mã ngành	Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại các ngành nghề đầu tư, kinh doanh có điều kiện (theo quy định pháp luật liên quan)	Tỷ lệ sở hữu theo cam kết quốc tế (cụ thể Hiệp định quốc tế)	Tỷ lệ sở hữu nước ngoài theo quyết định của cấp có thẩm quyền (áp dụng đối với DNNN thực hiện cổ phần hóa)	Tỷ lệ sở hữu theo Điều lệ công ty (áp dụng đối với công ty không bị hạn chế tỷ lệ sở hữu nước ngoài)
	trồng cỏ, gạch terrazzo.					
49	Xây dựng công trình công ích khác	4229	Không quy định	Không quy định	Không quy định	Không quy định
50	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: cho thuê xe máy, thiết bị	7730	Không quy định	100% (VKFTA, AFAS) Không quy định (WTO, FTAs)	Không quy định	Không quy định
51	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí	4322	Không quy định	Không quy định	Không quy định	Không quy định

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700926112 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, Công ty có đăng ký ngành nghề 4659, 4610, 4662, 4669, 2392, 2395.

Theo quy định tại Thông tư số 34/2013/TT-BCT ngày 24/12/2013 của Bộ Công thương về Công bố lộ trình thực hiện hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam thì tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được quyền phân phối các sản phẩm máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và phần cứng, điện tử, lúa gạo, đường mía, đường củ cải, thuốc lá và xì gà, kim loại quý và đá quý.

Công ty đã đăng ký các mã ngành 4659, 4610, 4662, 4669, 2392, 2395, trong đó Công ty có đăng ký chi tiết cho các mã ngành 4610, 4669, 2395. Chi tiết các mã ngành này hoàn toàn không bao gồm việc phân phối các sản phẩm máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và phần cứng, điện tử, lúa gạo, đường mía, đường củ cải, thuốc lá và xì gà, kim loại quý và đá quý. Các mã ngành còn lại là 4659 (Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác), 4662 (Bán buôn kim loại và quặng kim loại, trừ vàng miếng), 2392 (Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét), Công ty chưa đăng ký chi tiết cho các mã ngành này; tuy nhiên trên thực tế Công ty không tổ chức hoạt động kinh doanh và có doanh thu từ các mã ngành còn lại này.

Do đó, Công ty cam kết:

- Công ty tiếp tục rà soát các ngành nghề kinh doanh của Công ty trong quá trình hoạt động kinh doanh đảm bảo tỷ lệ nắm giữ của nhà đầu tư nước ngoài đúng quy định của pháp luật hiện hành.
- Để đảm bảo tuân thủ quy định về tỷ lệ nắm giữ của các nhà đầu tư nước ngoài khi thực hiện phân phối các sản phẩm máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và phần cứng, điện tử,

lúa gạo, đường mía, đường củ cải, thuốc lá và xì gà, kim loại quý và đá quý, Công ty sẽ tiến hành đăng ký bổ sung những nội dung chi tiết cho các mã ngành 4659, 2392, 4662 đảm bảo không bao gồm việc phân phối các sản phẩm trên hoặc rút các mã ngành này theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất.

- Tại thời điểm chốt danh sách cổ đông gần nhất ngày 22/05/2020, tỷ lệ nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ là 1.915.346 cổ phần tương đương 19,15% vốn điều lệ Công ty. Trong đợt phát hành này, Công ty cam kết chi phân phối cho nhà đầu tư nước ngoài theo đúng tỷ lệ sở hữu hiện tại và không làm tăng tỷ lệ sở hữu, Công ty chịu trách nhiệm hoàn toàn về việc đảm bảo tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài khi hoàn thành đợt chào bán đáp ứng đúng theo quy định tại khoản 4 Điều 11 Thông tư số 123/2015/TT-BTC ngày 18/08/2015 của Bộ Tài chính về hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

13. Các loại thuế có liên quan

Thuế giá trị gia tăng theo quy định tại Luật Thuế giá trị gia tăng số 13/2008/QH12 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 03/06/2008 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 03/06/2008 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Thuế thu nhập cá nhân theo quy định tại Luật Thuế thu nhập cá nhân số 04/2007/QH12 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 21/11/2007 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Và một số luật thuế khác.

14. Ngân hàng mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu

Toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán sẽ được chuyển vào tài khoản phong tỏa của Công ty:

Tên người thụ hưởng: Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC

Số tài khoản: 1017278633

Mở tại: Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội chi nhánh Bình Dương

VI. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2020, mục đích của đợt chào bán lần này nhằm bổ sung vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh, nâng cao năng lực tài chính, đảm bảo sẵn sàng nguồn vốn cho nhu cầu thực hiện đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh và tăng sức cạnh tranh của Công ty.

VII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

Theo Nghị quyết số 19/2020/NQ-HĐQT ngày 25/09/2020 của Hội đồng quản trị, toàn bộ số tiền thu được từ đợt phát hành này được sử dụng như sau:

STT	Khoản mục	Số tiền (đồng)	Thời gian dự kiến sử dụng
1	Thanh toán nợ vay ngân hàng	200.000.000.000	Quý IV/2020 Quý I/2021 và quý II/2021

Tổng cộng
200.000.000.000

Trong đó, dự kiến chi tiết về sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán để thanh toán nợ vay cho các khách thuộc các hợp đồng tín dụng của các ngân hàng như sau:

STT	Tên ngân hàng	Số Hợp đồng / Khế ước nhận nợ	Số dự dự kiến thanh toán
I	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Tây Hồ	Hợp đồng 01/2020/2451719/HĐTD ngày 22/07/2020	98.918.004.833
1		Khế ước ngày 27/07/2020	3.908.705.199
2		Khế ước ngày 31/07/2020	5.085.337.365
3		Khế ước ngày 07/08/2020	5.484.399.151
4		Khế ước ngày 14/08/2020	3.386.972.856
5		Khế ước ngày 19/08/2020	2.766.107.510
6		Khế ước ngày 21/08/2020	6.546.669.447
7		Khế ước ngày 28/08/2020	2.726.299.277
8		Khế ước ngày 04/09/2020	2.757.645.382
9		Khế ước ngày 10/09/2020	3.898.784.405
10		Khế ước ngày 16/09/2020	2.816.827.204
11		Khế ước ngày 18/09/2020	3.618.963.662
12		Khế ước ngày 25/09/2020	3.163.863.341
13		Khế ước ngày 02/10/2020	2.757.430.034
14	Dự kiến phát sinh thêm đến 30/11/2020	50.000.000.000	
II	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai	Hợp đồng 300268746/2020-HĐCVHM/NHCT680-ACC ngày 29/04/2020	49.947.295.347
1		Khế ước ngày 30/06/2020	3.564.606.945
2		Khế ước ngày 09/07/2020	4.003.502.492
3		Khế ước ngày 16/07/2020	6.915.461.941
4		Khế ước ngày 22/07/2020	809.912.176
5		Khế ước ngày 30/07/2020	2.550.790.339
6		Khế ước ngày 06/08/2020	500.000.000
7		Khế ước ngày 13/08/2020	1.090.779.167
8		Khế ước ngày 20/08/2020	492.727.561
9		Khế ước ngày 27/08/2020	1.431.064.193
10		Khế ước ngày 04/09/2020	296.467.922
11		Khế ước ngày 10/09/2020	1.974.406.563
12		Khế ước ngày 14/09/2020	283.811.416
13		Khế ước ngày 18/09/2020	2.059.730.734
14		Khế ước ngày 24/09/2020	2.261.687.944
15		Khế ước ngày 30/09/2020	1.712.345.954
16	Dự kiến phát sinh thêm đến 30/11/2020	20.000.000.000	
III	Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam – CN Bình Dương	Hợp đồng 1800-LAV – 200043856 ngày 03/06/2020	74.890.841.721
1		Khế ước ngày 05/06/2020	8.271.737.307
2		Khế ước ngày 10/06/2020	4.039.703.514
3		Khế ước ngày 12/06/2020	5.718.383.214
4		Khế ước ngày 18/06/2020	8.682.136.887
5		Khế ước ngày 25/06/2020	9.550.515.519
6		Khế ước ngày 10/07/2020	17.831.855.736
7		Khế ước ngày 16/07/2020	1.690.191.200
8		Khế ước ngày 17/07/2020	11.382.004.238
9	Khế ước ngày 07/08/2020	7.724.314.106	
TỔNG CỘNG			223.756.141.901

Dựa trên tình hình thực tế của các kế ước nhận nợ của các khoản vay, Công ty thực hiện thanh toán khoản vay đúng hạn. Để đảm bảo duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty thực hiện vay mới ngay khi cần thiết và đảm bảo nằm trong hạn mức tín dụng được cấp của từng ngân hàng. Do đó, Công ty thực hiện sử dụng vốn từ đợt chào bán của Công ty để thanh toán nợ vay cho các kế ước thuộc các Hợp đồng tín dụng của các ngân hàng:

STT	Tên ngân hàng	Số Hợp đồng tín dụng	Số tiền dự kiến sử dụng (đồng)
1	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Tây Hồ	Hợp đồng 01/2020/2451719/HĐTD ngày 22/07/2020	Tối đa 150.000.000.000
2	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai	Hợp đồng 300268746/2020-HDCVHM/NHCT680-ACC ngày 29/04/2020	Tối đa 145.000.000.000
3	Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam – CN Bình Dương	Hợp đồng 1800-LAV – 200043856 ngày 03/06/2020	Tối đa 200.000.000.000
TỔNG CỘNG			Tối đa 495.000.000.000

Căn cứ vào tình hình thực tế Hội đồng quản trị Công ty sẽ thực hiện chi trả cho các khoản nợ nêu trên theo từng kế ước nhận nợ thực tế phát sinh, thanh toán theo thứ tự khoản nào đến hạn trước thì thực hiện trước, thực hiện thanh toán cho đến khi hết số tiền huy động từ đợt chào bán là 200 tỷ đồng, đảm bảo không phát sinh nợ quá hạn hay bất kỳ điều khoản phạt vi phạm nào. Ngoài ra HĐQT có thể tiến hành điều chỉnh kế hoạch sử dụng vốn nói trên nếu thấy cần thiết để đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và đúng với mục đích sử dụng vốn đã được ĐHCĐ Công ty thông qua. Trong trường hợp có điều chỉnh phương án sử dụng vốn, Hội đồng quản trị sẽ thực hiện công bố thông tin theo quy định và báo cáo cổ đông tại kỳ Đại hội gần nhất.

Trong trường hợp không huy động đủ số tiền nêu trên thì công ty sẽ bổ sung nguồn trả nợ từ nguồn vốn lưu động khác của Công ty (ví dụ như tiền, các khoản nợ phải thu,...) đảm bảo thanh toán đầy đủ, đúng hạn các nghĩa vụ tài chính của Công ty theo đúng quy định của Pháp luật.

VIII CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC CHÀO BÁN

1. Tổ chức tư vấn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt – Chi nhánh Hà Nội

Địa chỉ: Tầng 10, Tòa nhà Eurowindow, số 2 Tôn Thất Tùng, P. Trung Tự, Q. Đống Đa Tp. Hà Nội

Điện thoại: (024) 6288 2006 Fax: (024) 6288 2008

Website: <http://www.vdsc.com.vn>

2. Tổ chức kiểm toán

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh phía Bắc

Địa chỉ: Phòng 709, Sunrise Building, số 90 Trần Thái Tông, phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: (024) 320 02016 Fax: (024) 379 50832

3. Ý kiến của tổ chức tư vấn về đợt phát hành

Với tư cách là tổ chức tư vấn, Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt – Chi nhánh Hà Nội đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích một cách cẩn trọng và chi tiết để đưa ra những đánh giá về đợt chào bán.

Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cho cổ đông hiện hữu dùng để bổ sung vốn của Công ty là phù hợp với định hướng phát triển của Công ty.

Khối lượng chào bán ra công chúng đợt này là 20.000.000 cổ phiếu (tương đương 200% số lượng cổ phiếu đang lưu hành hiện tại của ACC). Giá chào bán cổ phiếu là 10.000 đồng/cổ phiếu. Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2019 là 20.835 đồng/cổ phiếu, thu nhập trên mỗi cổ phiếu của Công ty (EPS) năm 2019 là 3.896 đồng/cổ phiếu. Cùng với đó Công ty thực hiện chi trả cổ tức trong năm 2018 là 18%, trong năm 2019 là 5%.

Với những thông tin trên, chúng tôi – Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt – Chi nhánh Hà Nội cho rằng đây là cơ hội tốt cho nhà đầu tư sở hữu thêm cổ phiếu ACC và khả năng Công ty chào bán thành công cao vì mức giá chào bán tương đối hấp dẫn.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

4. Đại lý phát hành cho cổ đông hiện hữu

Công ty sẽ phối hợp với Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam (“VSD”) phân phối và thông báo quyền mua cổ phiếu ACC cho các cổ đông Công ty thông qua các Công ty Chứng khoán – Thành viên lưu ký của VSD. Trường hợp cổ đông chưa lưu ký, Công ty sẽ thông báo và phân bổ quyền mua đến từng cổ đông.

IX PHỤ LỤC

1. Giấy đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng;
2. Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700926112 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 03/06/2008, thay đổi lần thứ 6 ngày 10/05/2019;
3. Bản sao hợp lệ Điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC;
 - 3.1. Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất đã được kiểm toán năm 2018, năm 2019 của ACC;
 - 3.2. Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất Quý 3/2020 của ACC;
4. Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2020 số 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/06/2020 thông qua phương án phát hành và phương án sử dụng vốn từ đợt phát hành;
5. Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 17/2020/NQ-HĐQT ngày 27/08/2020;
6. Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 19/2020/NQ-HĐQT ngày 25/09/2020;
7. Giấy xác nhận tài khoản phong tỏa;
8. Các tài liệu liên quan khác.

Bình Dương, ngày 26 tháng 10 năm 2020

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



PHẠM XUÂN PHƯƠNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

VÕ THÀNH TÀI

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

HOÀNG VĂN ANH

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
TÀI CHÍNH

PHẠM HUY HẬU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGUYỄN THỊ THỦY VÂN

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN RỒNG VIỆT – CHI NHÁNH HÀ NỘI

GIÁM ĐỐC



TRẦN THĂNG LONG



**NGÂN HÀNG TMCP
SÀI GÒN- HÀ NỘI
CN BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bình Dương, ngày 07 tháng 10 năm 2020.

**XÁC NHẬN PHONG TỎA TÀI KHOẢN
(V/v mở và phong tỏa tài khoản theo yêu cầu)**

Kính gửi: Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Và Xây Dựng Bình Dương ACC

Căn cứ đề nghị của Quý Công ty về việc đề nghị phong tỏa tài khoản số 1017278633 mở tại SHB Bình Dương của Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Và Xây Dựng Bình Dương ACC (không ghi nợ tài khoản) để chuẩn bị hồ sơ chào bán chứng khoán ra công chúng năm 2020. Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội chi nhánh Bình Dương xin thông báo về việc mở tài khoản theo yêu cầu của Quý Công ty như sau:

Tên tài khoản: Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Và Xây Dựng Bình Dương ACC

Số tài khoản: 1017278633

Mở tại: SHB Bình Dương

Mục đích sử dụng: Nhận tiền mua cổ phiếu của các nhà đầu tư.

Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội chi nhánh Bình Dương cam kết sẽ thực hiện phong tỏa toàn bộ số tiền nhà đầu tư nộp tiền vào tài khoản số 1017278633 mua cổ phiếu kể từ ngày 07/10/2020

Tài khoản này chỉ được giải tỏa khi NH TMCP Sài Gòn Hà Nội chi nhánh Bình Dương nhận được đề nghị giải tỏa của Quý công ty trên cơ sở phê duyệt của Ủy ban chứng khoán nhà nước.

Trân trọng!

**Chứng thực bản sao
đúng với bản chính.
Số chứng thực: 11280. Quyền số: 10 SCT/BS
Ngày: 16-10-2020
CÔNG CHỨNG VIÊN VPCC BÌNH DƯƠNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**NGÂN HÀNG TMCP SÀI GÒN - HÀ NỘI
CHI NHÁNH BÌNH DƯƠNG**



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Ngọc Nga



PHAN NGỌC SA

